

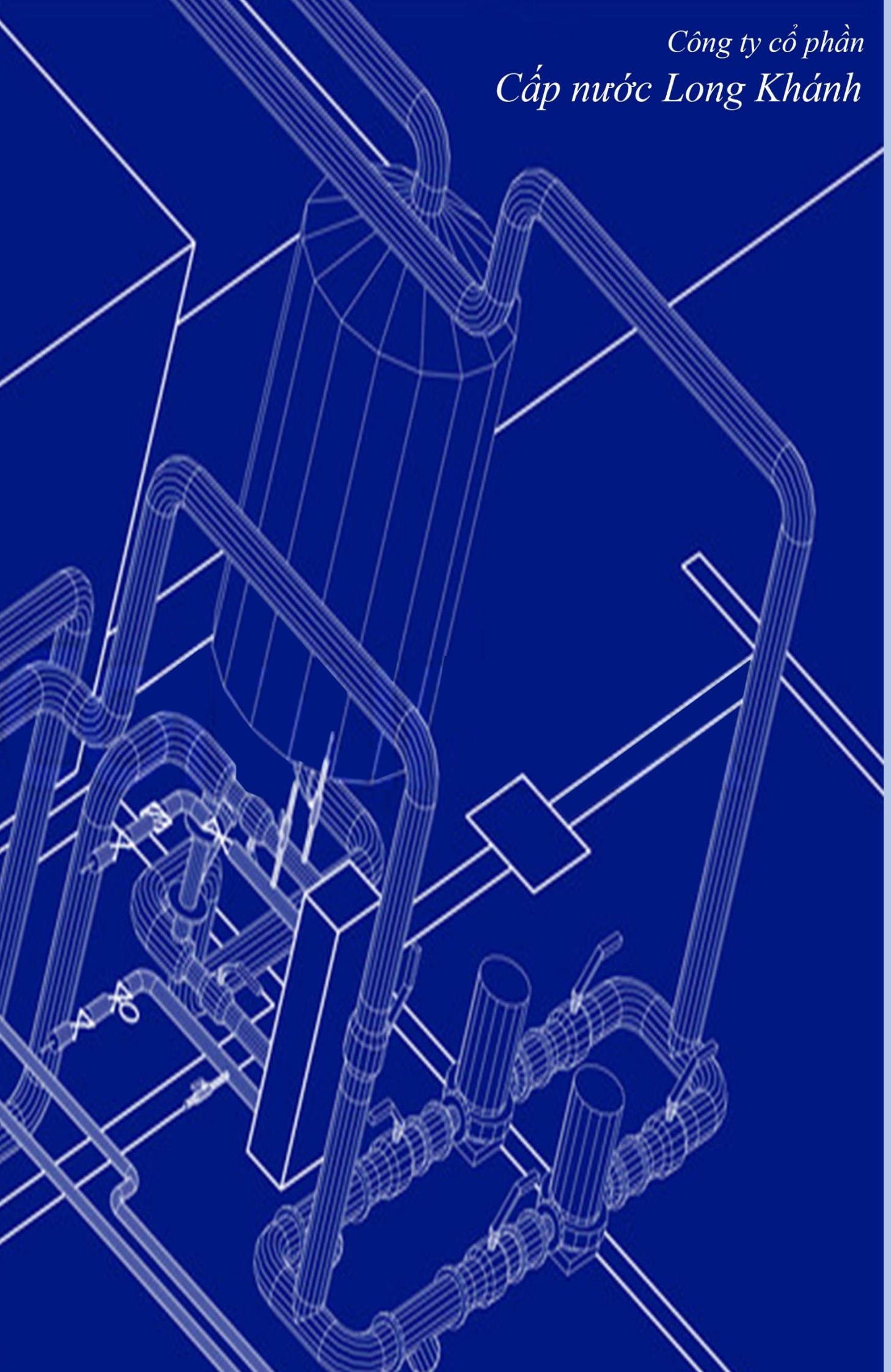
2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



*Công ty Cổ phần
Cấp Nước Long Khánh*

*Công ty cổ phần
Cấp nước Long Khánh*



01

THÔNG TIN CHUNG

- 02 Thông tin khái quát
- 03 Quá trình hình thành và phát triển
- 04 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 05 Thông tin mô hình quản trị
- 06 Định hướng phát triển
- 09 Các rủi ro

11

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 12 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 14 Tổ chức và nhân sự
- 20 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 21 Tình hình tài chính
- 24 Thông tin cổ đông

25

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 26 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 30 Tình hình tài chính
- 31 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- 31 Kế hoạch phát triển tương lai

32

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 33 Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
- 35 Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc
- 35 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

37

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 38 Hội đồng Quản trị
- 39 Ban Kiểm soát
- 42 Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

44 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 45 Ý kiến kiểm toán
- 46 Báo cáo tài chính kiểm toán

Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính thưa Quý vị Cổ đông

Năm 2012 vừa qua tiếp tục là năm với nhiều khó khăn chung của nền kinh tế như lạm phát cao, lãi suất chưa ổn định, chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ cũng như giá cả sinh hoạt các mặt hàng đều có xu hướng tăng. Theo đó, với lĩnh vực hoạt động chính là cung cấp nước sạch đến các địa bàn dân cư, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 của CTCP Cấp Nước Long Khánh đã đối mặt với những khó khăn nhất định.

Tuy nhiên, trong giai đoạn khó khăn chung của thị trường, Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng tập thể CB-CNV đã không ngừng cố gắng, nỗ lực với tinh thần trách nhiệm cao nhất nhằm hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

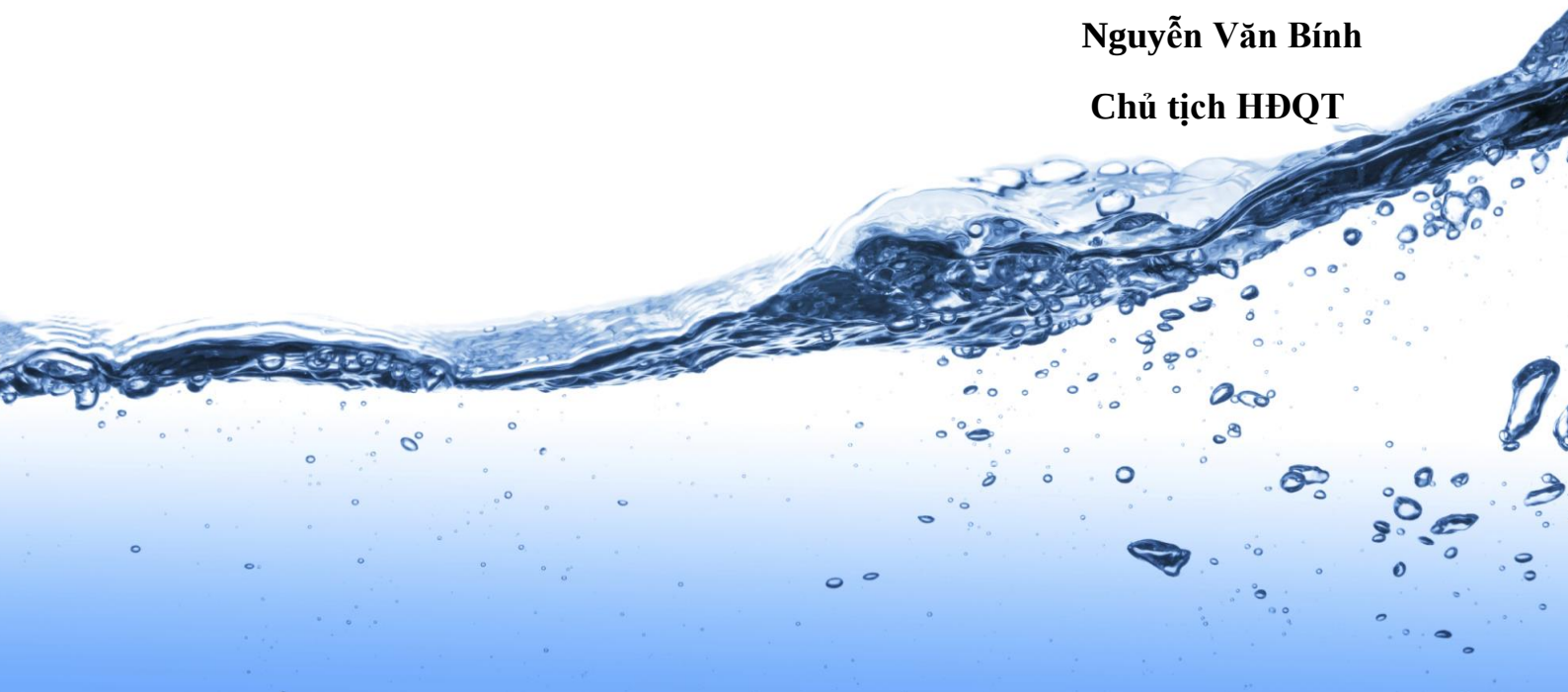
Bước sang năm 2013, nhận thức rõ những khó khăn trước mắt, Hội đồng quản trị vẫn tin tưởng rằng, với năng lực quản trị và tư duy luôn đổi mới của Ban điều hành, cùng nhiệt huyết của tập thể CB-CNV, CTCP Cấp Nước Long Khánh sẽ tăng trưởng ổn định, tiếp tục tạo niềm tin với Cổ đông, giữ vững uy tín trên thị trường và duy trì truyền thống văn hóa doanh nghiệp.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin cảm ơn và kính chúc sức khỏe, hạnh phúc tới Quý vị Cổ đông, Khách hàng cùng toàn thể CB-CNV CTCP Cấp Nước Long Khánh.

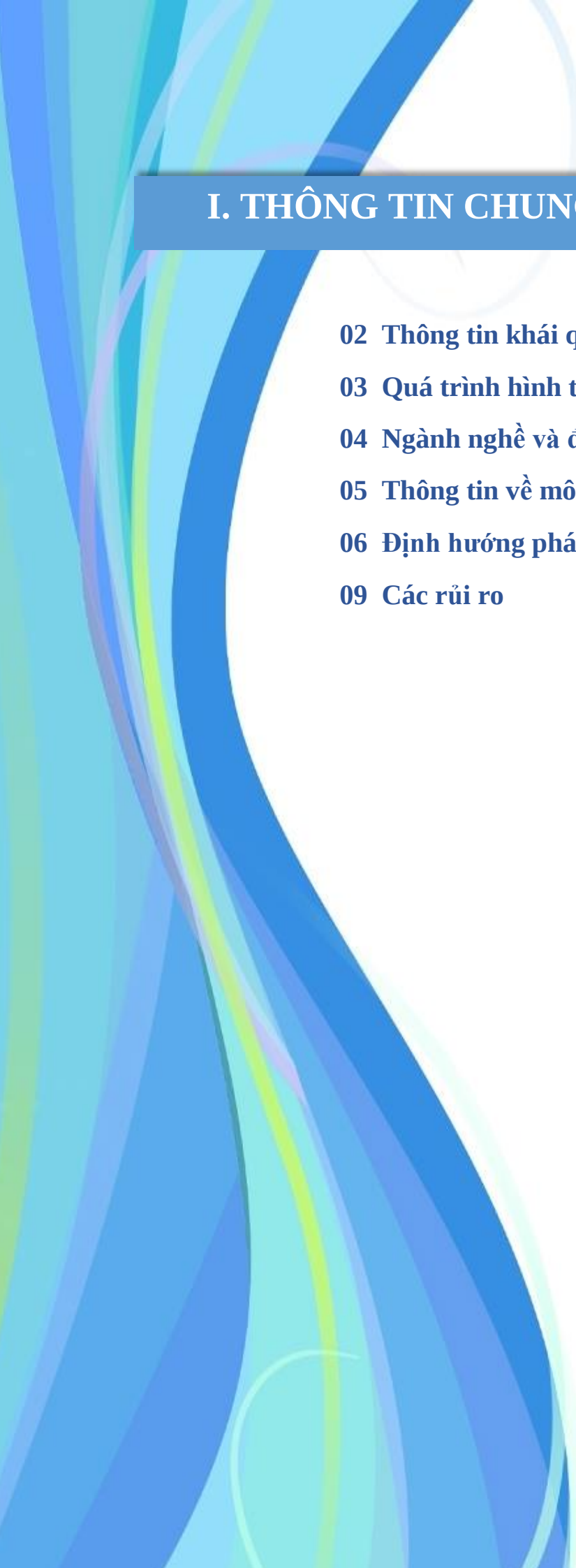
Trân trọng kính chào,

Nguyễn Văn Bính

Chủ tịch HĐQT







I. THÔNG TIN CHUNG

02 Thông tin khái quát

03 Quá trình hình thành và phát triển

04 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

05 Thông tin về mô hình quản trị

06 Định hướng phát triển

09 Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh

Tên tiếng Anh:

Long Khanh Water Supply Joint Stock Company

Tên viết tắt:

LKWA

Logo:



Vốn điều lệ:

25.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

25.000.000.000 VND

Mã cổ phiếu:

LKW

Giấy đăng ký kinh doanh số

3600979223 (số cũ 4703000501) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 18/02/2008, thay đổi lần thứ 1 ngày 23/03/2011.

Địa chỉ:

02 Bis - Cách Mạng Tháng Tám - Thị Xã Long Khánh - Đồng Nai.

Điện thoại:

0613.877241 - 0613.876580

Fax:

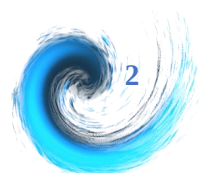
0613.783897

Email:

capnuoclongkhanh@yahoo.com.vn

Website:

<http://capnuoclongkhanh.com.vn>





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thành lập 29/07/2004	CTCP Cấp Nước Long Khánh được thành lập, với tiền thân là Xí Nghiệp Nước Long Khánh.
Cổ phần hóa 18/02/2008	Xí Nghiệp Nước Long Khánh được cổ phần hóa và đổi tên thành CTCP Cấp Nước Long Khánh. Vốn điều lệ ban đầu là 25 tỷ đồng.
Lưu ký tập trung 07/11/2011	Cổ phiếu của CTCP Cấp Nước Long Khánh được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) chấp nhận lưu ký.
Đăng ký giao dịch tại UpCom 04/07/2012	Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán LKW. Đây là một bước tiến mới trong việc đại chúng và quảng bá hơn nữa thương hiệu của LKW Mã chứng khoán : LKW Vốn điều lệ : 25.000.000.000 VNĐ Tổng KL niêm yết : 2.500.000 Cổ phần



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Khai thác, lọc và phân phối nước sạch: Công ty cổ phần Cấp Nước Long Khánh hoạt động trong lĩnh vực khai thác, lọc nước và phân phối nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tại các khu dân cư, cung cấp nguồn nước phục vụ cho hoạt động công nghiệp. Đây là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của công ty.



Thi công xây lắp hệ thống cấp thoát nước:

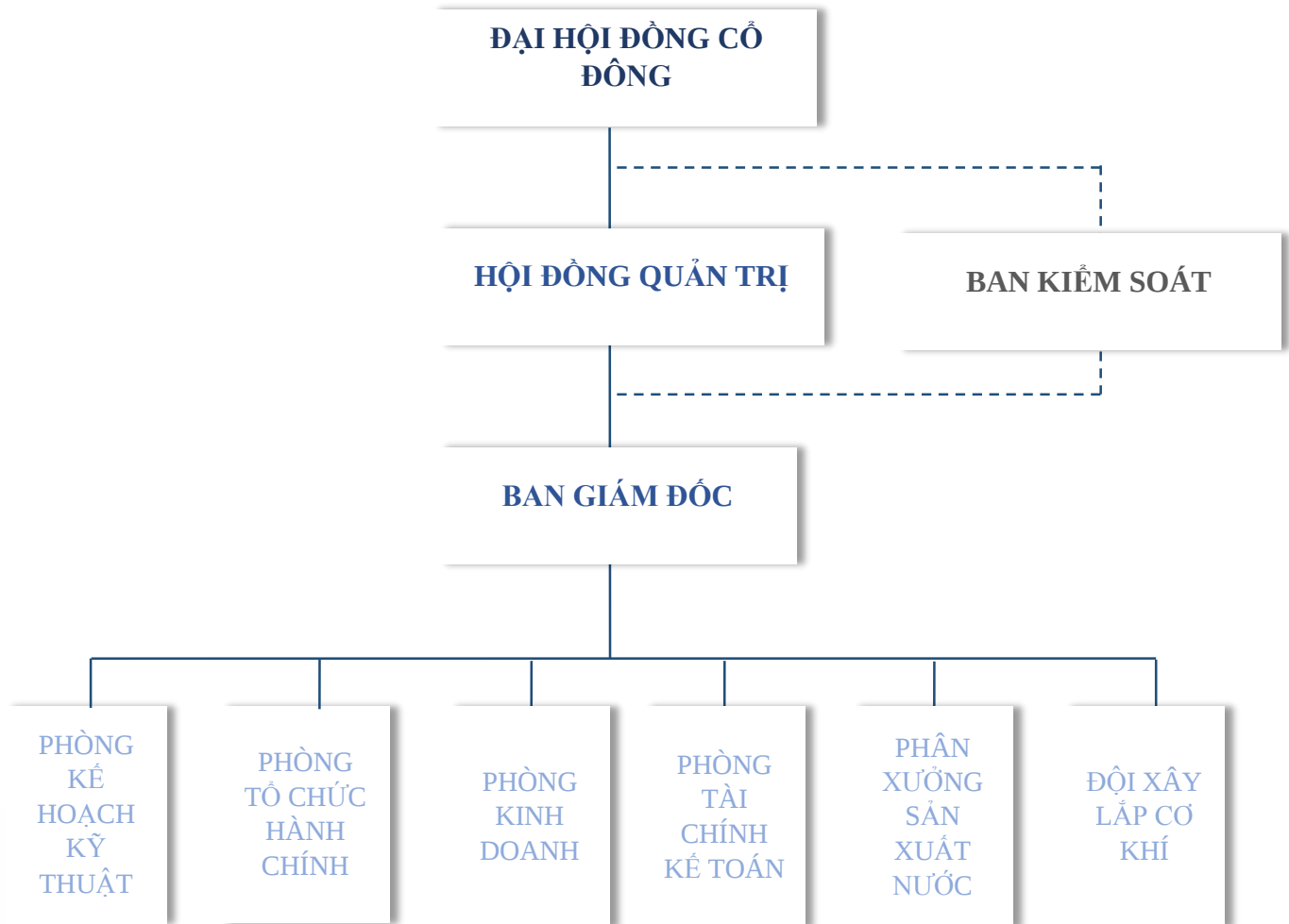
Công ty cung cấp các dịch vụ thi công xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm nước. Lắp đặt hệ thống ống cấp thoát nước. Theo dõi giám sát, thi công công trình cấp thoát nước đối với khu dân cư, khu chế xuất và khu công nghiệp trên địa bàn.

Địa bàn kinh doanh

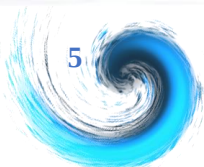
Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh hiện đang sản xuất và cung cấp nước sạch chủ yếu trên địa bàn thị xã Long Khánh, hoạt động xây dựng lắp đặt đường ống cấp nước trên địa bàn thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai và các vùng lân cận.



BỘ MÁY QUẢN LÝ



Công ty con, Công ty liên kết: không có





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt dân cư và nước sản xuất cho các cụm, khu công nghiệp tại thị xã Long Khánh;
- Duy trì ổn định và phát triển mạng lưới khách hàng;
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ đảm bảo chất lượng nước cung cấp theo tiêu chuẩn của bộ Y Tế;
- Đầu tư phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước nội ô thị xã Long Khánh và các vùng lân cận;
- Mở rộng và triển khai cung cấp các dịch vụ thi công lắp đặt, xây dựng hệ thống các loại tuyến ống cấp nước;



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Không ngừng nâng cao công suất khai thác sản lượng nước thông qua việc mở rộng công suất hệ thống cấp nước cũ từ 7.000m³/ngày lên 15.000m³/ngày (năm 2015);
- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước mặt tại hồ Suối Tre và hồ Cầu Dầu để dự phòng cho nguồn nước bị ô nhiễm khi dự án hồ Suối Tre được cải tạo mở rộng;
- Đầu tư xây dựng Phân xưởng sản xuất nước đóng chai tinh khiết công suất 3.000 lít/giờ và đưa vào hoạt động từ đầu quý IV/2013 để kịp thời giới thiệu sản phẩm và đi vào kinh doanh chính thức trong năm 2014.
- Không ngừng mở rộng lĩnh vực xây lắp ngành cấp nước và thoát nước.
- Triển khai các giải pháp nhằm giảm dần tỷ lệ thất thoát nước và đạt dưới mức 18% vào năm 2015.
- Cân đối nguồn vốn để ưu tiên cải tạo hệ thống cấp nước cũ hay rò rỉ.
- Không ngừng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin cho toàn thể CBCNV
- Định vị hình ảnh, từng bước xây dựng thương hiệu trong lĩnh vực xây lắp đường ống nước.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty

- Mục tiêu đối với môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên là nước, Công ty ý thức rất rõ về việc thực hiện đúng các quy định về xử lý và khai thác nước ngầm nhằm đảm bảo nguồn nước không cạn kiệt, không ô nhiễm nhằm duy trì nguồn cung nước qua nhiều thế hệ.

- Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù là cung cấp nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất, Công ty nhận thức việc đảm bảo nguồn nước sạch đến toàn bộ khu dân cư thị xã Long Khánh với mức ≥ 120 lít/người/ngày là trách nhiệm với xã hội và cộng đồng của Công ty. Ngoài ra, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động từ thiện, quyên góp hỗ trợ các đối tượng gặp khó khăn thông qua các chương trình ủng hộ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ học giỏi sống tốt, Quỹ vì người nghèo, Chương trình Tiếp bước cho em đến trường, Quỹ Bảo trợ ngành Xây dựng. Trong năm 2012, Công ty và CB.CNV đã đóng góp, ủng hộ 21.369.000 đồng cho các quỹ trên. Bên cạnh đó, Công ty còn phụng dưỡng 01 bà mẹ liệt sỹ với mức trợ cấp 500.000 đồng/tháng.







CÁC RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Sản phẩm chính của Công ty là cung cấp nước sạch. Đây là mặt hàng đặc biệt vì là nhu cầu thiết yếu của người dân. Theo đó, nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân ít biến động khi nền kinh tế khó khăn và đặc biệt tăng nhanh khi nền kinh tế phục hồi, tốc độ đô thị hóa cao. Theo tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2012 chỉ đạt 5,03%, là mức thấp nhất trong 13 năm qua. Theo dự báo của ADB, tốc độ tăng GDP của Việt Nam được dự báo ở mức 5,2%, tăng một chút so với mức thực hiện 5,03% của năm 2012. Sự phục hồi của nền kinh tế là yếu tố tích cực, thúc đẩy sự phát triển nhất định đến ngành cấp nước. Xét một cách tổng thể, rủi ro về kinh tế không phải là rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của công ty chịu sự chi phối của các quy định về an toàn, chất lượng nguồn nước, những quy định về môi trường, v.v... Bên cạnh đó, CTCP Cấp nước Long Khánh là công ty đại chúng do đó còn chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Bất kỳ sự thay đổi nào của các quy định này cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, và do đó cũng sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trên thị trường. Do đó, Công ty luôn nỗ lực cập nhật mới nhất những quy định, chính sách pháp luật liên quan, tạo sự đồng thuận từ phía người tiêu dùng và lãnh đạo công ty về sự phát triển bền vững và đúng pháp luật.

Rủi ro về nguyên liệu đầu vào

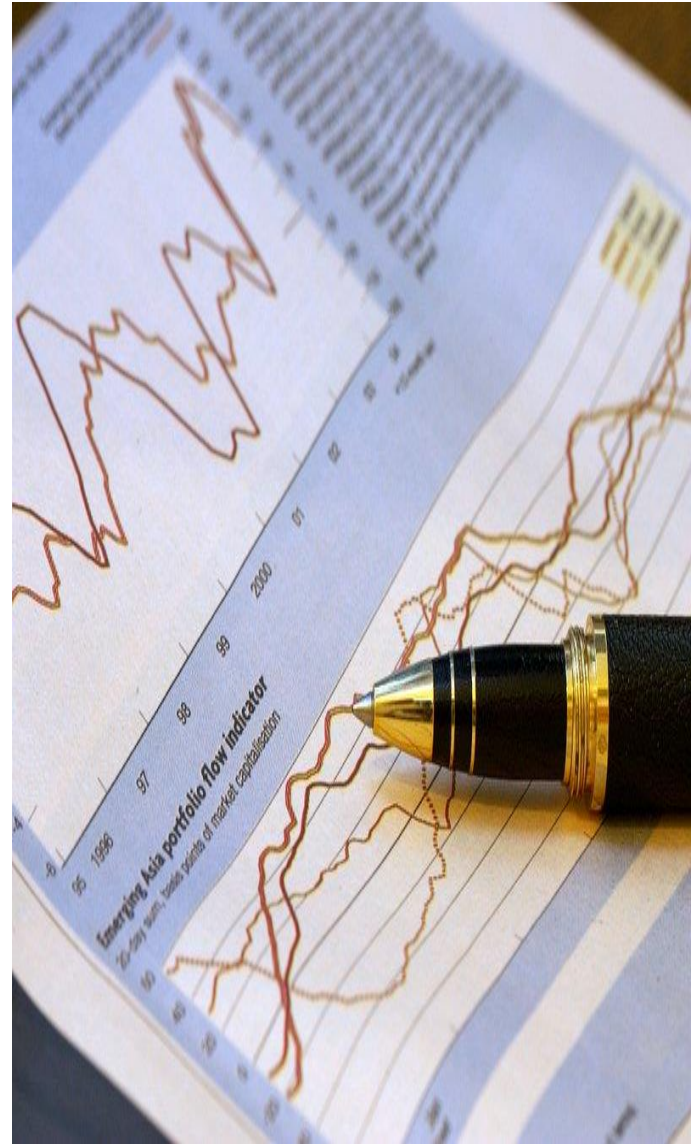
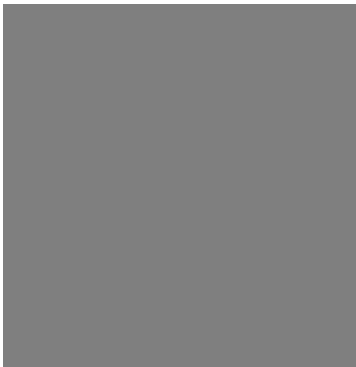
Với nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nguồn nước ngầm trong thiên nhiên, sự ảnh hưởng của thời tiết như hạn hán đã ảnh hưởng rất lớn đến quá trình cung ứng nước sạch cho sinh hoạt, sản xuất gây tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, nguồn điện năng cần được cung cấp nhằm đảm bảo tất cả các trạm bơm hoạt động tại nội ô thị xã Long Khánh nước hoạt động ổn định cũng là vấn đề khó khăn mà Công ty thường xuyên phải đối mặt.

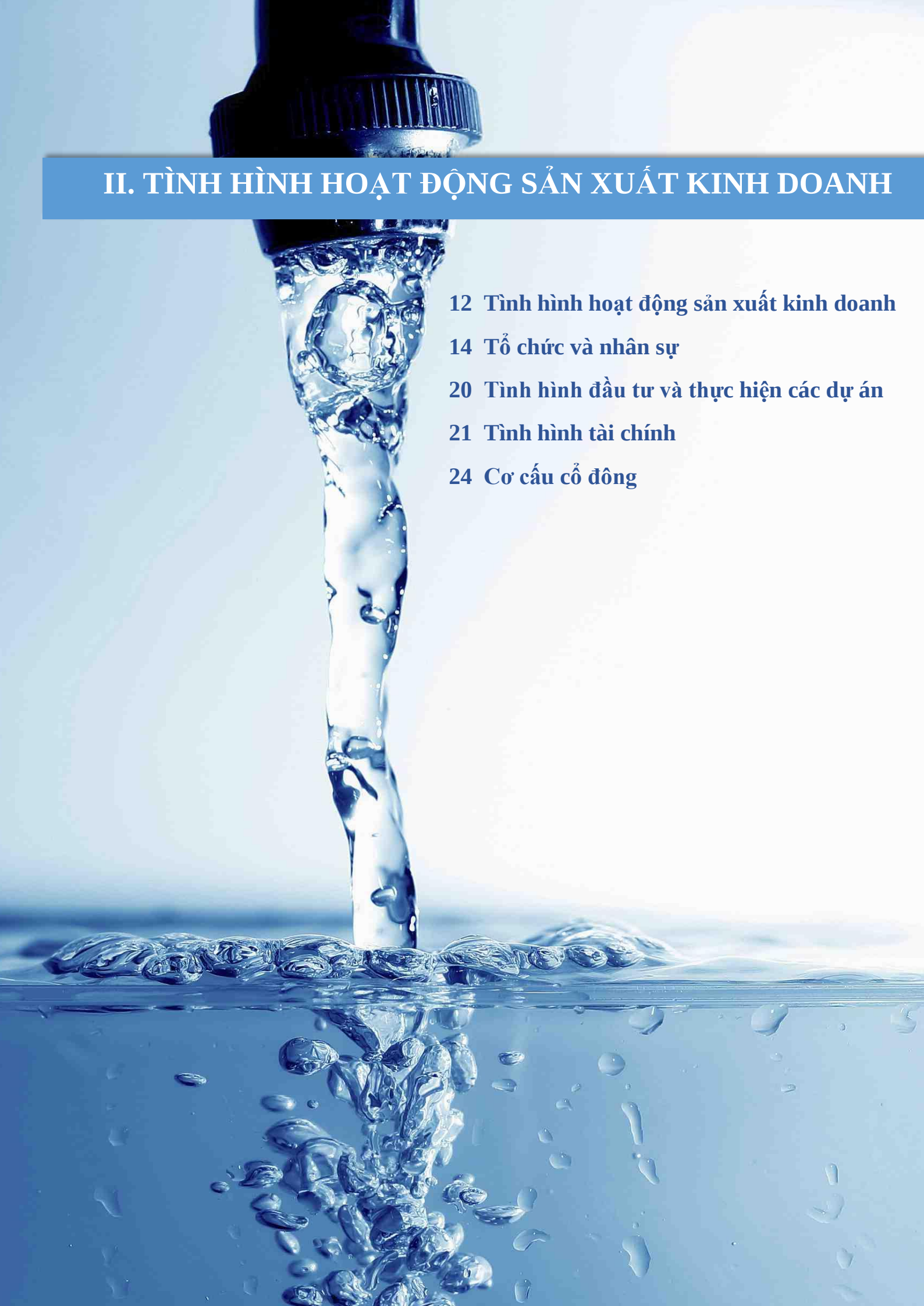
Rủi ro do tỷ lệ thất thoát nước cao

Theo số liệu thống kê của Bộ Xây dựng, tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch ở Việt Nam hiện ở mức 28-29% và theo chương trình quốc gia chống thất thoát nước sạch, đến năm 2015, tỷ lệ thất thoát mới giảm xuống còn 25%. Theo các chuyên gia kinh tế, đây là tỷ lệ thất thoát cao và sẽ ảnh hưởng nhất định đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp ngành cấp nước nói chung và CTCP Cấp Nước Long Khánh nói riêng.

Rủi ro về giá cả

Ngành cung cấp nước là ngành dịch vụ công cộng và thuộc sự kiểm soát của Nhà nước. Do đó, giá bán nước cung cấp cho dân cư và các khu công nghiệp được áp dụng theo khung giá nước do Nhà nước ban hành. Theo đó, với đặc thù của ngành là khung giá nước được định sẵn và tỷ lệ thất thoát nước cao, điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động, tăng trưởng lợi nhuận của Công ty.





II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

12 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

14 Tổ chức và nhân sự

20 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

21 Tình hình tài chính

24 Cơ cấu cổ đông



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	2011	2012	+/- so với 2011	Kế hoạch 2012	% so với kế hoạch
1	Sản lượng nước sản xuất (m ³)	2.777.980	2.865.361	3,15	2.782.400	102,98
2	Sản lượng nước tiêu thụ (m ³)	2.134.034	2.209.437	3,53	2.142.500	103,12
3	Nước thất thoát (%)	23,18	22,89	- 0,29	23	- 0,11

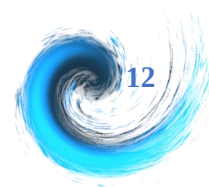
Đvt: ngàn đồng

STT	Chỉ tiêu	2011	2012	+/- so với 2011	Kế hoạch 2012	% so với kế hoạch
1	Doanh thu	21.478.570	25.059.057	16,67	20.526.500	122,08
2	Tổng chi phí	17.278.387	19.316.248	11,79	16.318.405	118,37
3	Lợi nhuận trước thuế	4.200.183	5.742.809	36,73	4.208.095	136,47
4	Lợi nhuận sau thuế	3.150.137	4.737.818	50,40	3.156.071	150,12
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.260	1.895	50,40	-	-

Ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới kéo dài từ năm 2008, đến nay nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi và tăng trưởng ổn định. Trong năm 2012, GDP nước ta tăng trưởng ở mức thấp nhất trong 13 năm trở lại đây (5,03%). Theo công bố Báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu 2013 của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam sẽ có tốc độ tăng trưởng chậm lại ở mức 5,2% trong năm 2013, 5,5% ở năm 2014. Những khó khăn của nền kinh tế đã gây ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Công ty nói riêng.

Song với sự phấn đấu, không ngừng nỗ lực của tập thể lãnh đạo và toàn thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các kế hoạch đề ra trong năm 2012.

Kết quả hoạt động kinh doanh ấn tượng trong năm 2012 như sau: doanh thu toàn Công ty đạt 25.059 triệu đồng, đạt 122,08% so với kế hoạch và tăng 16,67% so với thực hiện năm 2011. Lợi nhuận sau thuế đạt 4.738 triệu đồng, đạt 150,12% so với kế hoạch và tăng 50,04% so với năm 2011. Tỷ lệ thất thoát nước ở mức 22,89%, giảm 0,21% so với kế hoạch và giảm 0,29% so với tỷ lệ thất thoát nước năm 2011 (23,18%). Đây là kết quả rất đáng tự hào trong tình hình khó khăn chung của các doanh nghiệp hiện nay.



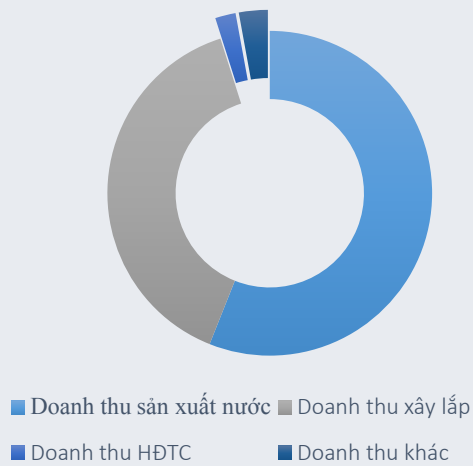
DOANH THU THUẦN



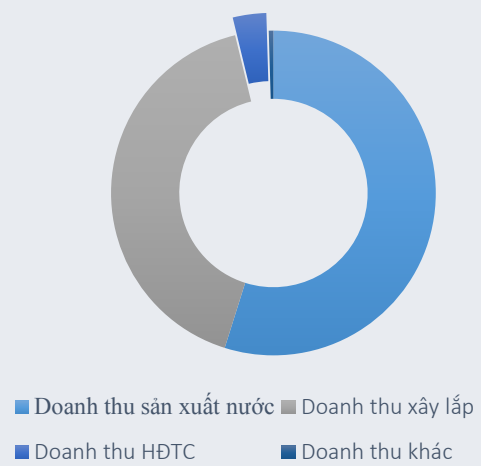
LỢI NHUẬN SAU THUẾ



CƠ CẤU DOANH THU 2011



CƠ CẤU DOANH THU 2012





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
I Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Văn Bính	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
2	Lê Văn Thới	Phó Chủ tịch	Thành viên điều hành
3	Lê Văn Anh	Thành viên	Thành viên điều hành
4	Nguyễn Minh Huy	Thành viên	Thành viên không điều hành
5	Đào Quý Tính	Thành viên	Thành viên không điều hành
II Ban kiểm soát			
1	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Trưởng Ban	
2	Trần Văn Khoát	Thành viên	
3	Nguyễn Thị Hồng Châu	Thành viên	
III Ban điều hành			
1	Lê Văn Thới	Giám đốc	
2	Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	
3	Lê Văn Anh	Kế toán trưởng	

Sơ yếu lý lịch Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Văn Bính - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:	
1982 - 1990 : Công tác tại Nhà máy cơ khí Đồng Nai 1990 - Nay : Phó Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp Nước Đồng Nai	
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	
- Đại diện nắm giữ: 500.000 CP (đại diện Công ty TNHH Một Thành viên Cấp nước Đồng Nai), chiếm 20% vốn điều lệ) - Sở hữu cá nhân: 0 CP	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp Nước Đồng Nai	

Ông Lê Văn Thới - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh	1958
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cấp thoát nước
Quá trình công tác:	
1976 - 1996: Tổ trưởng đường ống – Xí nghiệp nước Long Khánh 1997 - 2007: Phó Giám Đốc – Xí nghiệp nước Long Khánh 2008 - 2010: Phó Giám Đốc – Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh 2010 - Nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc CTCP Cấp Nước Long Khánh	
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	
- Đại diện nắm giữ: 275.000 cổ phiếu (đại diện Công ty TNHH Một Thành viên Cấp nước Đồng Nai), chiếm 11% vốn điều lệ - Sở hữu cá nhân: 4.081 cổ phiếu, chiếm 0,16% vốn điều lệ	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không	

Ông Lê Văn Anh – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh	1962
Trình độ chuyên môn	Trung cấp kế toán
Quá trình công tác:	
1983 - 1986: Nhân viên Xí nghiệp Vận tải Ô tô Số 2 1987 - 1991: Nhân viên Xí nghiệp Đường Cồn 2-9 1992 - 1997: Phó phòng kinh doanh Xí nghiệp Nước Long Khánh 1998 - 2007: Kế toán trưởng Xí nghiệp Nước Long Khánh 2008 - Nay: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	
- Đại diện nắm giữ: 250.000 cổ phần (đại diện Công ty TNHH Một Thành viên Cấp nước Đồng Nai), chiếm 10% vốn điều lệ - Sở hữu cá nhân: 2.381 cổ phần, chiếm 0,095% vốn điều lệ	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không	

Ông Nguyễn Minh Huy – Thành viên HĐQT

Năm sinh	1957
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
• 2004 - 2005 : Phó Giám đốc Xí nghiệp nhà máy Sonadezi • 2005 - 2011 : Chánh văn phòng, trưởng ban Tổng Công ty Sonadezi • 2011 - Nay : Phó TGD CTCP Sonadezi An Bình	
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	
• Đại diện nắm giữ: 98.000 cổ phần (đại diện CTCP Xây dựng Sonadezi), chiếm 3,92% vốn điều lệ • Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó TGD CTCP Sonadezi An Bình	

Ông Đào Quý Tính – Thành viên HĐQT

Năm sinh	1964
Trình độ chuyên môn	Trung cấp địa chất
Quá trình công tác:	
• 1985 - 1995 : Công tác tại Đoàn Địa Chất 707 - Lâm Đồng • 1995 - 2000: Chủ cơ sở khoan giếng Tính - Đồng Nai • 2000 - Nay: Giám đốc Công ty TNHH Sơn Tính	
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	
• Đại diện nắm giữ: 0 cổ phần • Sở hữu cá nhân: 130.000 cổ phần, chiếm 5,2% vốn điều lệ	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Sơn Tính	

Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Thới - Giám đốc: Vui lòng xem SYLL tại Thành viên HĐQT

Ông Lê Văn Anh - Kế toán trưởng: Vui lòng xem SYLL tại Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Văn Hòa - Phó Giám đốc

Năm sinh	1968
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cấp thoát nước

Quá trình công tác:

- 1991 - 2002: Nhân viên xí nghiệp nước Long Khánh
- 2002 - 2008: Trưởng phòng kế hoạch xí nghiệp nước Long Khánh
- 2008 - Nay: Phó giám đốc CTCP Cấp nước Long Khánh

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:

- Đại diện nắm giữ: 25.000 cổ phần (đại diện Công đoàn), chiếm 1% vốn điều lệ
- Sở hữu cá nhân: 6.600 cổ phần, chiếm 0,26% vốn điều lệ

Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh	1963
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
1983 - 2009 : Nhân viên kế toán – Công ty TNHH MTV XDCN Đồng Nai	
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	
- Đại diện nắm giữ: 250.000 cổ phần (đại diện Công ty TNHH Một Thành viên Cấp nước Đồng Nai), chiếm 10% vốn điều lệ - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần	

Ông Trần Văn Khoát – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1967
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác:	
1990 - 1991 : Kế toán trưởng – Xí nghiệp SXCBCU' HXX – Bộ tham mưu Quân khu 7 1992 - 1996 : Kế toán phó – Công ty Phương Đông – Bộ tư lệnh Quân khu 7 01/1997 – 05/1997 : Kế toán trưởng – Công ty Đầu tư Miền Đông – Bộ tư lệnh Quân khu 7 06/1997 – 06/1998 : Kế toán phó – Công ty Liên doanh Garden Plaza Miền Đông - Quân khu 7 07/1998 – 12/2005 : Kế toán trưởng – Siêu thị Miền Đông - Quân khu 7 01/2006 – 12/2006 : Dạy học – Trường Cao đẳng Bách Việt 01/2007 – 12/2008 : Trưởng phòng Tài chính kế toán CTCP Nhựa Tân Tiến 01/2009 – Nay : Phó TGD phụ trách Tài chính CTCP Nhựa Tân Tiến	
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	
- Đại diện nắm giữ: 147.000 cổ phần (đại diện CTCP Nhựa Tân Tiến), chiếm 5,88% vốn điều lệ - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần	

Bà Nguyễn Thị Hồng Châu – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1984
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán – Tài chính
Quá trình công tác:	
01/2009 - Nay : Nhân viên kế toán – CTCP Cấp Nước Long Khánh	
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	
- Đại diện nắm giữ: 0 cổ phần - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần	

Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2012

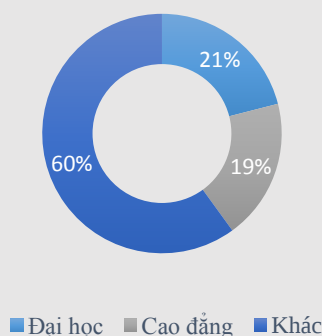
Không có

Thống kê lao động

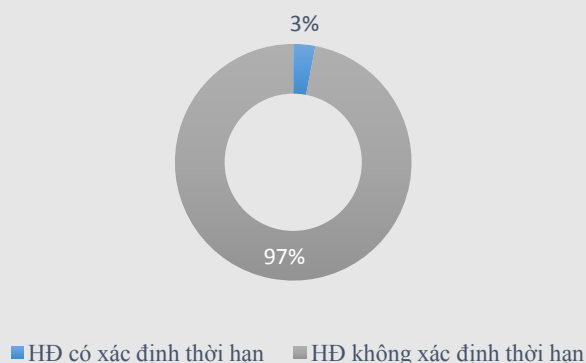
Số lượng cán bộ, nhân viên và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Số lượng cán bộ nhân viên tại CTCP Cấp Nước Long Khánh hiện nay là 62 người trong đó cơ cấu lao động cụ thể như sau:

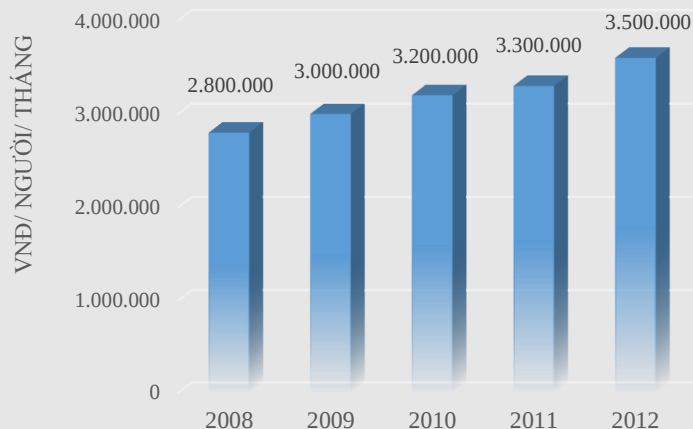
Theo trình độ



Theo Hợp đồng lao động



LƯƠNG BÌNH QUÂN



Chính sách đối với người lao động

Về thu nhập của người lao động, ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm thể hiện qua chính sách hệ thống thang bậc lương và quy chế trả lương chi thưởng, đảm bảo cho người lao động có việc làm, thu nhập ổn định và ngày càng tăng lên nhằm đảm bảo cuộc sống cho người lao động, tạo động lực cho mọi thành viên trong tổ chức cống hiến và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty. Ngoài ra, người lao động được hưởng các trợ cấp như : chi phí ăn giữa ca, chi phí tàu xe đi phép

trang phục, cấp phát bảo hộ lao động, được đi tham quan nghỉ mát du lịch định kỳ theo thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác theo quy định của luật định. Ngoài ra, hàng năm, Công ty tổ chức xét duyệt cho công nhân đi thi tay nghề nâng bậc tại Công ty TNHH Một Thành viên Cấp Nước Đồng Nai. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên nâng cao trình độ thông qua việc học các lớp chuyên môn nghiệp vụ, các lớp ngắn hạn về quản lý, về chính sách thuế, triển khai văn bản nghị định, v.v.... Tạo môi trường tốt nhất để cán bộ nhân viên trong Công ty phát huy hết khả năng, tận tâm phục vụ vì mục tiêu phát triển chung của tập thể.

Xét về công tác quản lý, Công ty luôn đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, cấp trên phải là tấm gương vì sự phấn đấu, cống hiến và trách nhiệm. Xây dựng hệ thống phân quyền cho cấp dưới trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý doanh nghiệp. Từng bước hiện đại hóa và tinh giản hệ thống quản lý doanh nghiệp



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Dự án đầu tư	Gía trị đầu tư
Mở rộng khu văn phòng	2.454.306.363
Sửa chữa nhà văn phòng	306.133.162
Xây dựng giếng số 14 Xuân Bình	29.658.002
Giếng khoan Núi Tung 13	218.339.464
Sửa chữa Đài nước GS 7	90.637.606
Phát triển mạng hèm Chu Văn An, CMT8, v.v... ống D63 208m	43.250.000
Phát triển tuyến ống CN Lê Văn Vận 620m ống D 63	40.940.461
Thiết bị dò tìm ống bể	134.774.568
Bơm Franklin	42.400.000
Mua xe 60c07623	535.900.273
Giếng khoan LK1	365.563.920
Giếng khoan LK2	387.547.132
Giếng khoan LK3	488.135.220
Giếng khoan LK4	454.067.872
Tổng Giá trị XDCB	5.601.361.550



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

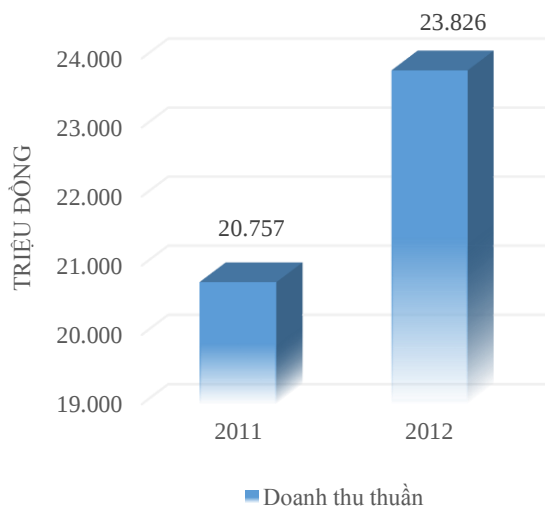
Tình hình tài chính

Nội Dung	ĐVT	Năm 2012	Năm 2011	% tăng/giảm 2012/2011
Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	38.071	34.082	11,7%
Doanh thu thuần	Tr.đồng	23.826	20.757	14,79%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	5.226	4.199	24,46%
Lợi nhuận khác	Tr.đồng	516	1	51500%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5.743	4.200	36,74%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	4.738	3.150	50,41%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	11	10	1

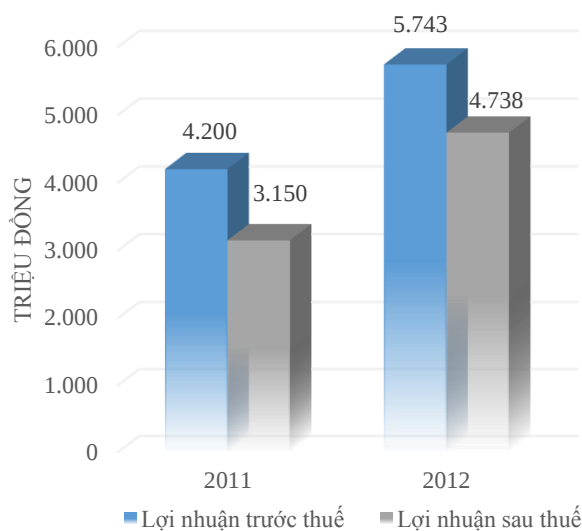
TĂNG TRƯỞNG TỔNG TÀI SẢN



TĂNG TRƯỞNG DOANH THU THUẦN



TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN

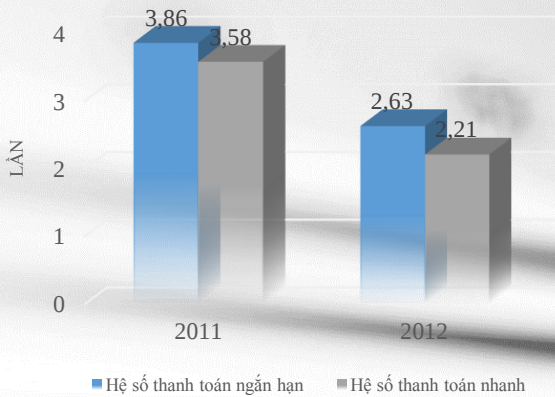


Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	3,86	2,63
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	3,58	2,21
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	13,96	17,83
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	16,23	21,70
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	6,76	6,92
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,61	0,63
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	15,18	19,88
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	10,85	15,63
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	%	9,30	13,13
	%	20,23	21,94

Phân tích các nhóm chỉ số

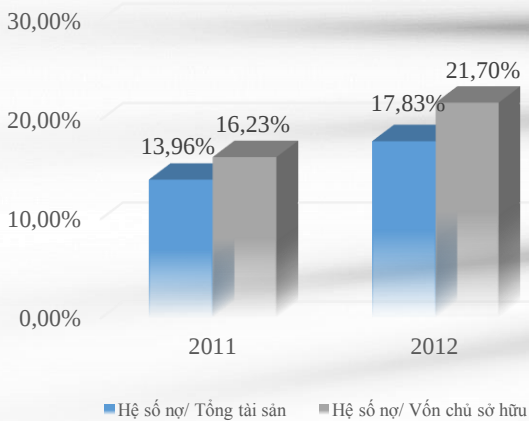
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Khả năng thanh toán

Trong giai đoạn hiện nay, tỷ số thanh toán ngắn hạn và tỷ số thanh toán nhanh của Công ty đều có xu hướng giảm. Nguyên nhân các tỷ số này giảm là do khoản nợ ngắn hạn của Công ty tăng đáng kể, tăng 46,62%. Nguồn vốn vay này dùng để bổ sung nguồn vốn lưu động. Tuy nhiên, khả năng thanh khoản của Công ty luôn được đảm bảo do các tỷ số này đều lớn hơn 1.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

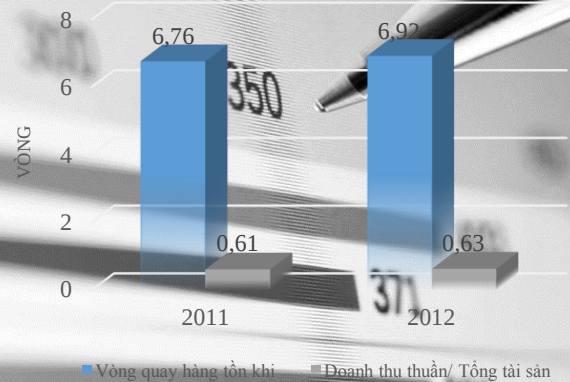


Cơ cấu nguồn vốn

Các hệ số nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu năm 2012 đều tăng so với 2011. Nếu trong năm 2011, tỷ lệ nợ chỉ chiếm 16,23% trong tổng tài sản thì đến năm 2012, tỷ lệ này lên đến 21,7%. Tổng nợ phải trả của Công ty tăng 42,65%, tương ứng tăng 2,2 tỷ đồng, trong đó phải trả người bán tăng đến 34,12%. Tỷ lệ nợ của Công ty tăng lên để đáp ứng cho việc đầu tư hệ thống nước cho một số công trình trọng điểm như Công trình

cao tốc TP.HCM Long Thành, Dầu Giây, Công trình tái định cư, v.v. Tuy nhiên, khi các công trình này được hoàn thiện và đưa vào sử dụng sẽ đem lại mức lợi nhuận tăng trưởng ổn định đáng kể trong tương lai.

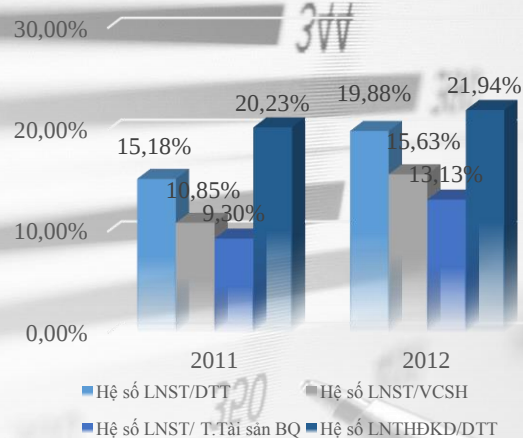
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản năm 2012 tăng nhẹ so với năm 2011. Nguyên nhân là do giá vốn hàng bán tăng 8,98% trong khi hàng tồn kho bình quân chỉ tăng 6,44% và doanh thu thuần tăng 14,79% trong khi tổng tài sản chỉ tăng 11,7%.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Khả năng sinh lời

Tất cả tỷ suất sinh lời của Công ty trong năm 2012 đều tăng so với năm 2011. Mức tăng cao nhất là tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân, tăng 4,78% từ 10,85% (năm 2011) lên mức 15,63% (năm 2012). Nguyên nhân chính là do lợi nhuận sau thuế tăng đến 50,4%. Đây là kết quả đáng tự hào trong tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn như hiện nay.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG – THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

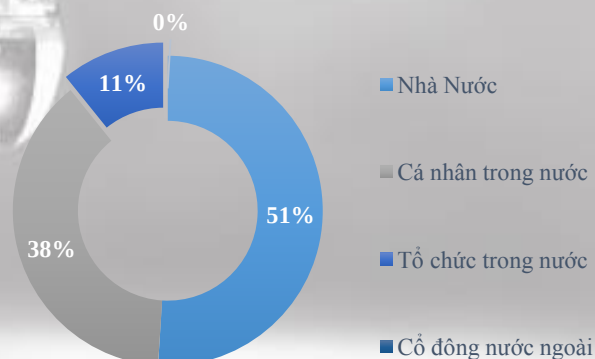
Tổng số cổ phần đang lưu hành: 2.500.000 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.500.000 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 CP

Cơ cấu cổ đông



Cơ cấu cổ đông

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ SỞ HỮU
I	NHÀ NƯỚC	01	1.275.000	12.750.000.000	51%
II	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	205	1.225.000	12.250.000.000	49%
1	CÁ NHÂN	202	955.000	9.550.000.000	38,2%
2	TỔ CHỨC	03	270.000	2.700.000.000	10,8%
III	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	-	-	-	-
	TỔNG CỘNG	206	2.500.000	25.000.000.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2012, Công ty không thực hiện các đợt tăng vốn cổ phần

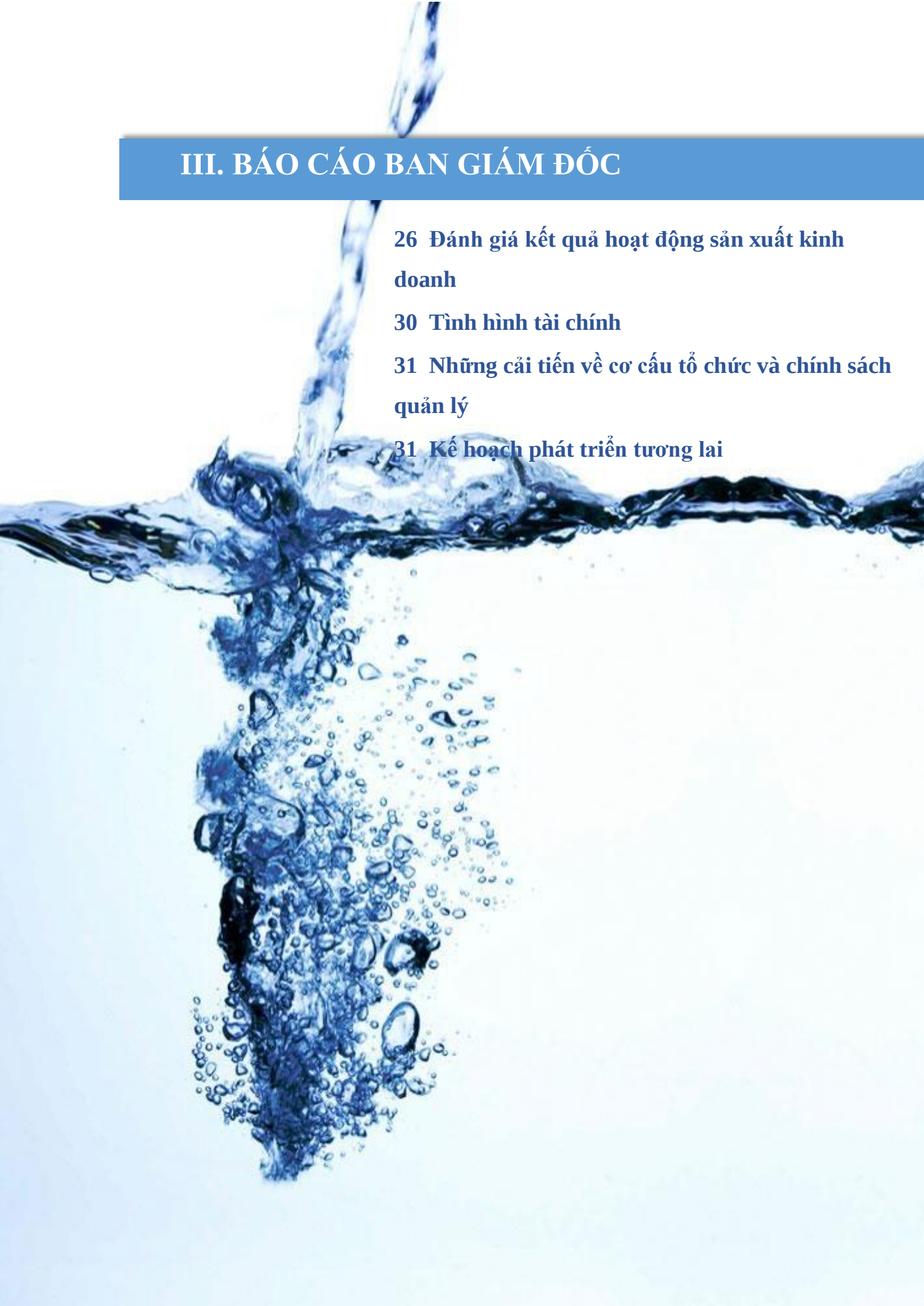
Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2012, Công ty không thực hiện các giao dịch cổ phiếu quỹ.

- Số cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phần

Các chứng khoán khác

Không có

A high-speed photograph of water splashing, creating a dynamic and energetic background. The water is captured in mid-air, with numerous droplets and bubbles visible, creating a sense of movement and freshness. The color is a deep blue, and the lighting highlights the texture of the water.

III. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

26 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

30 Tình hình tài chính

31 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

31 Kế hoạch phát triển tương lai



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế như: lạm phát cao, lãi suất không ổn định, giá cả đầu vào tăng cao, v.v..., hoạt động kinh doanh của Công ty đã gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên trong khó khăn luôn tiềm ẩn những cơ hội mới. Theo đó, Ban điều hành đã cố gắng vượt qua mọi khó khăn, tận dụng mọi cơ hội để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2012, Công ty đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đặt ra. Cụ thể, sản lượng nước sản xuất và tiêu thụ lần lượt đạt 2.865.361 m³ và 2.209.437 m³, vượt 2,98% và 3,12% so với kế hoạch, tương ứng tăng 3,15% và 3,53% so với thực hiện năm 2011. Tỷ lệ thất thoát nước đã có

xu hướng giảm, duy trì ở mức 22,89% so với mức 23,18% ở năm 2011. Doanh thu toàn Công ty đạt 25.059 triệu đồng, vượt 22,08% so với kế hoạch và tăng 16,67% so với thực hiện năm 2011. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 5.743 triệu đồng và 4.738 triệu đồng, tăng tương ứng 1.543 triệu đồng và 1.588 tương ứng so với thực hiện năm 2011, vượt 36,47% và 50,12% so với kế hoạch.

Kết quả kinh doanh ấn tượng này là thành quả từ nỗ lực, phấn đấu không ngừng của toàn thể Công ty trong bối cảnh hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng khách quan từ nền kinh tế và những khó khăn chủ quan từ nội bộ doanh nghiệp.



Kết quả hoạt động kinh doanh

Đvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	2011	2012
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.757.352.004	23.827.337.617
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		899.935
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.757.352.004	23.826.437.682
4	Giá vốn hàng bán	13.162.563.055	14.344.002.673
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.594.788.949	9.482.435.009
6	Doanh thu hoạt động tài chính	719.769.637	512.036.667
7	Chi phí tài chính		6.416.663
8	Chi phí bán hàng	1.268.644.440	1.239.652.337
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.847.179.235	3.522.039.051
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.198.734.911	5.226.363.625
11	Thu nhập khác	1.448.914	720.583.312
12	Chi phí khác	468	204.137.170
13	Lợi nhuận khác	1.448.446	516.446.142
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.200.183.357	5.742.809.767
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.050.045.841	1.004.991.712
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.150.137.516	4.737.818.055
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.260	1.895



Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất cung cấp nước máy

Là hoạt động trọng yếu của Công ty, hoạt động sản xuất cung cấp nước máy mang lại 56,04% trong tổng doanh thu toàn Công ty năm 2012. Sản lượng nước sản xuất và nước tiêu thụ đều tăng 3,15% và 3,53% so với thực hiện năm 2011. Tỷ lệ thất thoát đã từng bước được cải thiện, và hiện duy trì ở mức 22,89%. Trong năm 2012, số khách hàng gắn đồng hồ nước tăng 518 khách hàng. Số lượng khách hàng tiêu thụ nước máy đến cuối năm 2012 là 11.437, tỷ lệ hộ dân được cấp nước máy chiếm khoảng 61% trên tổng số dân cư thị xã Long Khánh. Là đơn vị cung cấp nước sạch chủ yếu cho thị xã Long Khánh nhưng tỷ lệ chỉ đạt mức 61% do một bộ phận dân cư ở vùng sâu vùng xa chưa có cơ hội sử dụng khi chưa có đường ống nước đi qua khu vực này. Theo đó, việc cung cấp nước tại các phường trong thị xã gần đạt mức bão hòa. Công ty đã thực hiện sửa chữa, di dời thay đồng hồ 351 cái trong năm 2012. Sản phẩm nước do Công ty cung cấp đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế. Lượng nước tiêu thụ bình quân hàng ngày đạt 6.053 m³, tăng 3,5% so với năm 2011.

Ngoài ra, công tác ghi thu tiền nước ngày càng chính xác và hoàn thiện, lượng khách hàng phản ánh khiếu nại đã giảm so với các năm trước, tỷ lệ thực thu tiền nước luôn đạt trên 99% hoá đơn tiền nước phát hành. Thái độ phục vụ khách hàng luôn được Ban giám đốc chú trọng ở các bộ phận tiếp xúc trực tiếp với khách hàng như: nhân viên ghi thu nước và bộ phận trực tiếp giải quyết thắc mắc của khách hàng.

Công ty luôn đáp ứng và cung cấp đầy đủ nước cho khách hàng bao gồm nước máy sinh hoạt khu dân cư và nước sản xuất cho các cụm, khu công nghiệp. Công tác duy tu bảo dưỡng được duy trì thường xuyên đảm bảo cung cấp nước liên tục 24/24 giờ. Bên cạnh đó, Công ty đã đầu tư lắp đặt hệ thống hẹn tắt giờ tự động tại 05 trạm bơm để giảm chi phí lao động tại phân xưởng nước.

Một vấn đề khó khăn chung của tất cả các doanh nghiệp ngành cung cấp nước là tỷ lệ thất thoát nước cao. Theo đó, công tác chống thất thoát nước được Công ty đặc biệt chú trọng. Đến nay, Công ty đã thành lập ban chống thất thoát nước do Phó giám đốc làm trưởng ban và đã đầu tư trang thiết bị và con người để tập trung triển khai chương trình chống thất thoát nước. Chương trình này đã phát huy tác dụng khi đã phát hiện ống bể chủ yếu là ống nhánh và ống cũ, khoanh vùng tách mạng tại đường Khổng Tử, đường Nguyễn Văn Bé, đường Hoàng Diệu, toàn bộ phường Xuân Trung và một phần phường Xuân Thanh. Bộ phận chống thất thoát nước đã thoát kịp thời sửa chữa các đường ống bị hỏng, rò rỉ nước và thay thế lắp đặt ống mới. Ban chống thất thoát nước đã phân bổ giờ chạy máy theo giờ cao điểm, thấp điểm bước đầu đã giảm số Kw tiêu thụ, chi phí điện năng so với năm 2011.

Hoạt động thi công Xây lắp

Là hoạt động chiếm 39,04% trong tổng doanh thu toàn Công ty năm 2012, công tác thi công xây lắp được xem là mảng quan trọng trong hoạt động của Công ty. Trong tình hình khó khăn của thị trường bất động sản, hầu hết các công trình xây dựng đều bị tạm dừng do thiếu kinh phí. Theo đó, công tác thi công xây lắp các dự án cấp nước của các công trình này đều bị ảnh hưởng. Ngoài ra, với sự cạnh tranh khốc liệt của các doanh nghiệp cùng ngành, việc tìm kiếm và ký kết các hợp đồng xây lắp ngày càng trở nên khó khăn. Với sự hỗ trợ của Công ty mẹ - Công ty TNHH 1 TV Cấp Nước Đồng Nai, Công ty đã hoàn thành kế hoạch đề ra trong hoạt động thi công xây lắp.

Trong năm 2012, Công ty đã thi công các công trình chủ yếu như sau:

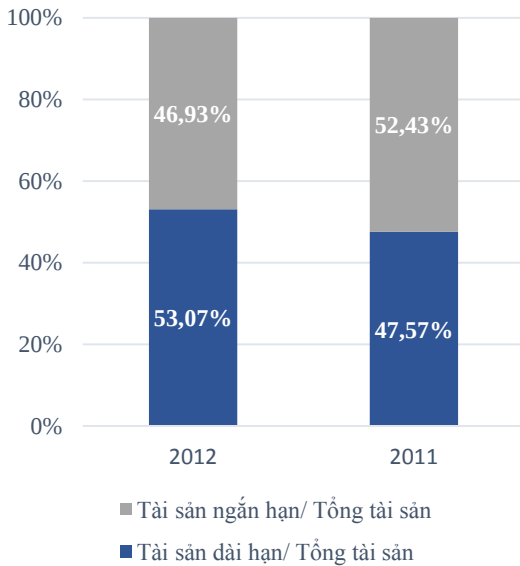
Tên công trình	Đơn vị tính	Doanh thu
Công trình Giang Điền khu C GĐ 2	1.000 đ	2.981.667
Công trình Tân Phú giai đoạn 3,4	1.000 đ	516.027
Công trình Tân Phong Khu phố 9,11	1.000 đ	4.059.781
Công trình Xóm Hố Dầu Giây	1.000 đ	730.578
Tổng cộng	1.000 đ	8.288.053



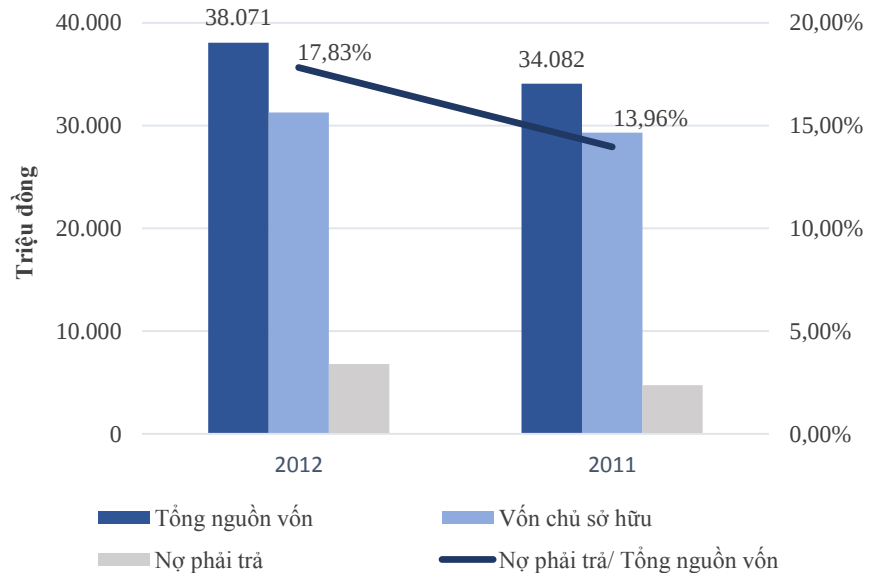


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cơ cấu tài sản



Cơ cấu nguồn vốn



Trong năm 2012, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh vẫn được duy trì tốt như năm 2011. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn không có sự biến động bất thường. Nguồn vốn luôn được đảm bảo nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về cơ cấu tài sản: Tổng giá trị tài sản công ty đến hết năm 2012 đạt 38.071 triệu đồng, tăng 11,7% so với năm 2011. Tài sản ngắn hạn giảm nhẹ (0,02%) trong khi tài sản dài hạn tăng đến 24,63%, tương ứng tăng 3.993 triệu đồng so với năm 2011. Cơ cấu tài sản vẫn ở mức ổn định, tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản tăng nhẹ từ mức 47,57% lên 53,07%.

Về cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn chủ sở hữu và vốn vay năm 2012 được duy trì ổn định. Cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu năm 2012 duy trì ở mức 17,83% & 83,17% so với mức tương ứng 13,96% & 87,04% ở năm 2013.

Về tình hình nợ phải trả: Nợ phải trả năm 2012 tăng 42,65%, tương ứng tăng 2,03 tỷ so với năm 2011. Nợ phải trả tăng cao chủ yếu là do các khoản phải trả người bán tăng 34,12% và khoản người mua trả tiền trước (1,19 tỷ). Khoản người mua trả tiền trước là khoản ứng trước tiền xây lắp của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường cao tốc TP.HCM – Long Thành – Dầu Giây Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2012, Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty đã không ngừng nỗ lực nâng cao hệ thống sản xuất, quản trị. Cụ thể, Công ty đã đạt được những kết quả như sau:

- Nâng cao năng suất sản xuất của hệ thống cấp nước;
- Triển khai thực hiện chương trình chống thất thoát nước Lắp đặt một van điều áp D150 và xây dựng hố van tại ngã ba Hùng Vương giao Trần Phú;
- Kịp thời thay thế, sửa chữa các đường ống bị hỏng, bị rò rỉ nước và lắp đặt ống mới, thiết bị, phụ tùng, v.v... do đó giảm tỷ lệ nước thất thoát trong năm là 0,11%;

Thành lập riêng một ban phòng chống thất thoát nước, đồng thời bổ sung thêm nhân sự cũng như trang bị vật tư thiết bị phục vụ cho công tác kiểm tra sửa chữa. Theo đó, Công ty đã phát hiện một số điểm bể bị rò rỉ lâu ngày và có chế độ khen thưởng thích đáng cho công nhân viên có thành tích đem lại hiệu quả cho công ty.

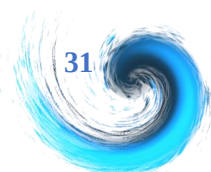
Xây dựng hệ thống phân quyền cho cấp dưới trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý doanh nghiệp. Từng bước tinh giản hóa hệ thống phân quyền.

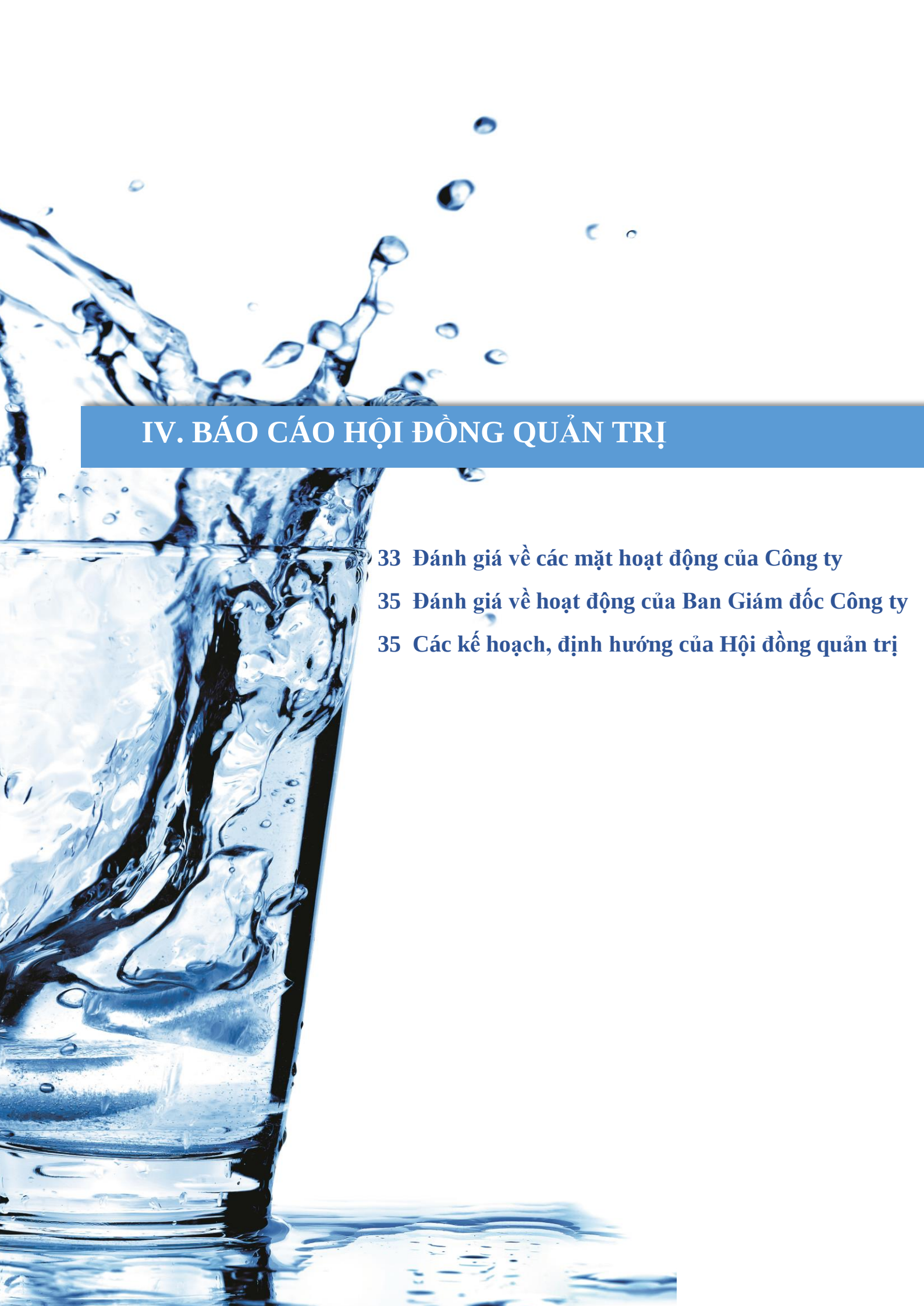


KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Với nhận định nền kinh tế Việt Nam trong năm 2013 vẫn còn nhiều khó khăn như tăng trưởng kinh tế chưa có dấu hiệu bền vững, lạm phát cao, chính sách thắt chặt tiền tệ, v.v..., mục tiêu của CTCP Cấp Nước Long Khánh trong năm 2013 là tiếp tục duy trì ổn định mức tăng trưởng, từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước và xây lắp trên địa bàn. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2012	% tăng/giảm so với 2012
1	Sản lượng nước sản xuất	m ³	2.900.000	2.865.361	1,21%
2	Sản lượng nước tiêu thụ (Ghi thu)	m ³	2.262.000	2.209.437	2,38%
3	Tỷ lệ thất thoát	%	22	22,89	(0,89%)
4	Doanh thu	Tỷ đồng	22,5	25,06	(10,22%)
a	Sản xuất nước	Tỷ đồng	15	14,04	6,84%
b	Xây lắp	Tỷ đồng	7	9,78	(28,43%)
c	Doanh thu HĐTC	Tỷ đồng	0,5	0,51	(1,96%)
d	Doanh thu khác	Tỷ đồng	-	0,72	-
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,5	5,74	(21,60%)
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,4	4,74	(28,27%)
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	11	1





IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

33 Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

35 Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

35 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

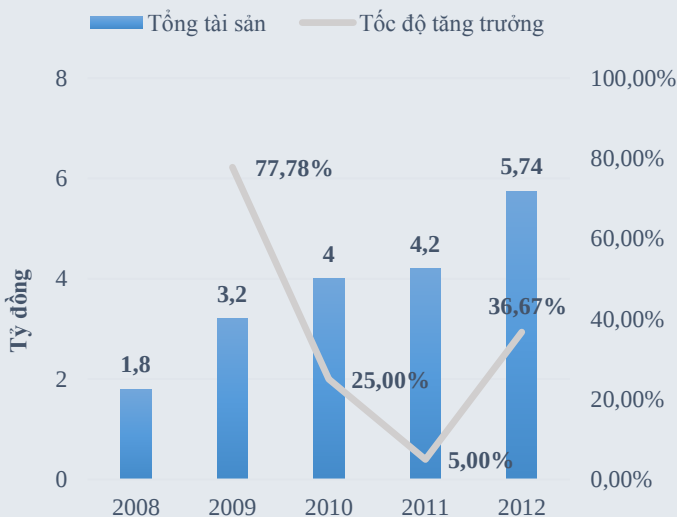
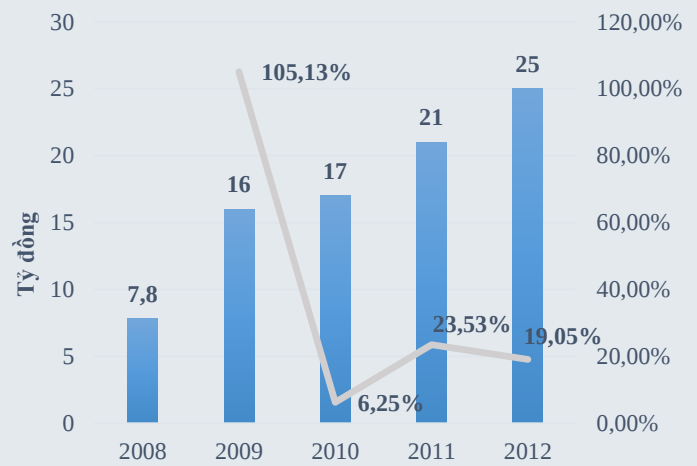
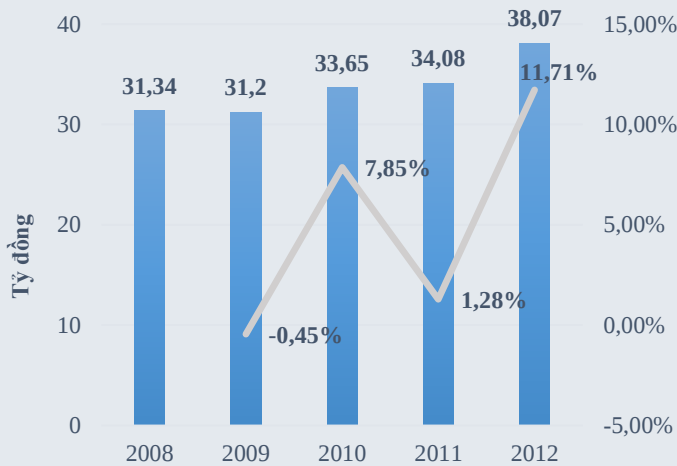


ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

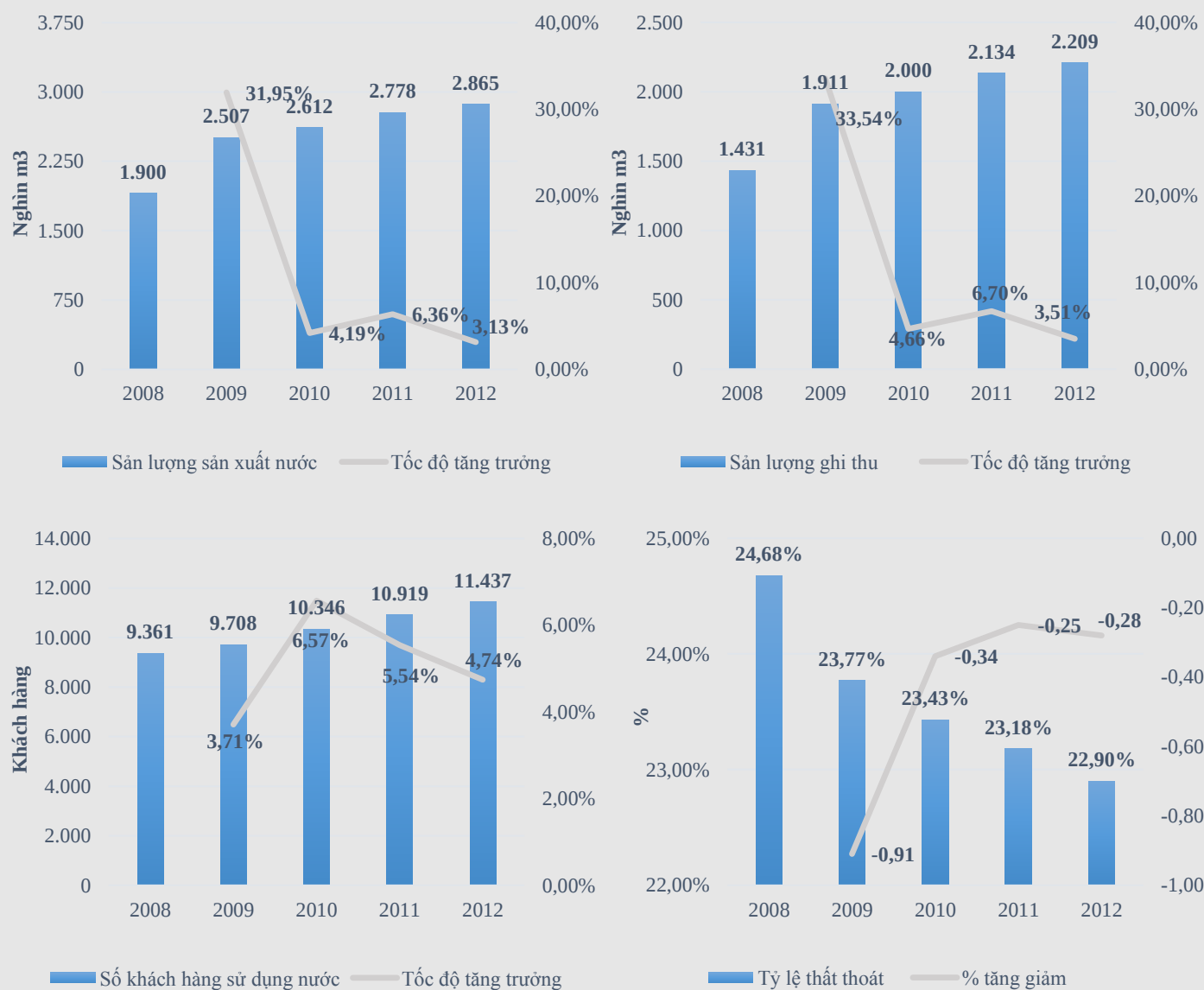
CTCP Cấp Nước Long Khánh hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ năm 2008. Đây là thời điểm bắt đầu khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Với tốc độ tăng trưởng luôn duy trì trên mức 7% từ năm 2002 thì đến năm 2008, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ dừng ở mức 6,31% và tiếp tục xu hướng giảm cho đến nay. Năm 2012, tốc độ tăng trưởng GDP của nước ta chỉ dừng ở mức 5,03%. Theo đó, trải qua chặng đường 5

năm phát triển từ thời điểm cổ phần hóa, Công ty đã hoạt động trong tình hình khó khăn khách quan từ nền kinh tế và những khó khăn từ phía doanh nghiệp như hệ thống quản lý chưa hiệu quả, không được chủ động giá bán nước sạch, việc tìm kiếm khách hàng khó khăn, v.v..., Công ty đã vượt qua mọi khó khăn ban đầu để từng bước xây dựng và phát triển bền vững.

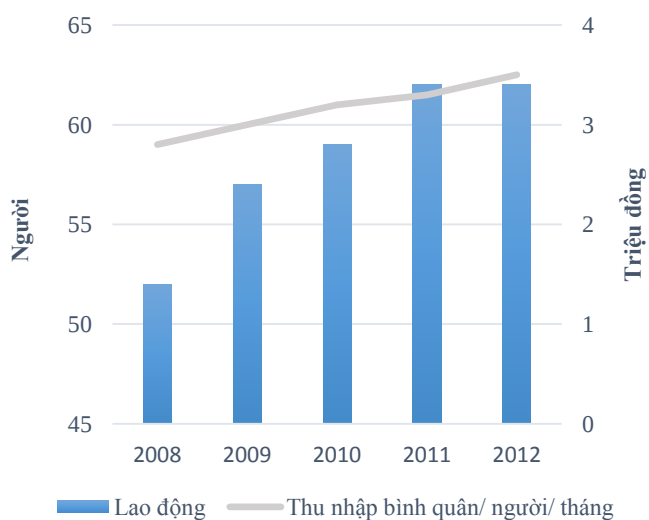
Kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2008 - 2012



Kết quả hoạt động sản xuất cung cấp nước máy



Về thu nhập của người lao động



Kết quả đạt được trong 5 năm qua là sự cố gắng, phấn đấu không ngừng của tập thể CBCNV dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty tiếp tục từng bước vượt qua khó khăn, hoàn thiện hệ thống, cơ sở hạ tầng để đáp ứng tốt nhất nhu cầu nước sạch cho khu vực thị xã Long Khánh và các khu vực lân cận.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Với tình hình nền kinh tế vĩ mô gặp nhiều khó khăn trong năm 2012, Ban Giám đốc đã thể hiện được năng lực tốt khi hoàn thành vượt các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận. Bên cạnh những kết quả khả quan về SXKD, Ban Giám đốc còn không ngừng cải tiến hệ thống quản lý, phân quyền và quản trị thông qua hệ thống công nghệ thông tin mới, tinh giản hóa bộ máy quản lý. Đây được xem là bước đi mang tính chất quyết định tạo nền tảng để Công ty phát triển và mở rộng trong tương lai.

Với những vị thế được định hình lâu dài tại địa phương cùng với quy trình sản xuất và kinh doanh có hiệu quả cao, khả năng dự đoán và phản ứng trước những thay đổi bất ngờ của thị trường đã giúp Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh từng bước vượt qua khó khăn, thách thức. Hội đồng Quản trị ghi nhận Ban Giám đốc đã có sự chuẩn bị chu đáo trước những biến động khó lường trên thị trường. Ban Giám đốc nắm được những chuyển biến lớn về kinh tế vĩ mô, kịp thời đưa ra những quyết sách, tạo động lực cho cán bộ nhân viên Công ty hoàn thành nhiệm vụ năm 2012.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là doanh nghiệp cung cấp nước sạch chủ yếu cho địa bàn Thị xã Long Khánh. Theo quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, Thị xã Long Khánh sẽ phát triển thành đô thị loại III vào năm 2015 và phát triển lên thành phố trong giai đoạn 2016-2020. Theo xu hướng phát triển này, nhu cầu về hệ thống cấp nước cần được xây dựng, đồng đầu cùng với kế hoạch quy hoạch phát triển tại địa phương. Theo đó, Công ty cần phải kịp thời đầu tư mở rộng công suất, mạng lưới cấp nước, hệ thống giếng khoan và các thiết bị tăng công suất để góp phần tăng trưởng doanh thu, số lượng khách hàng, gia tăng mức cổ tức cho cổ đông đồng thời góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Theo định hướng này, Công ty đề ra các giải pháp cụ thể như sau:

- Trong năm 2013, hoàn thành việc chuyển quyền sử dụng đất toàn bộ từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Đồng Nai về Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh;
- Xin phép Bộ Tài nguyên Môi trường mở rộng công suất hệ thống cấp nước cũ từ 7.000m³/ngày lên 15.000m³/ngày (năm 2015);
- Xin phép chủ trương đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước mặt tại hồ Suối Tre và hồ Cầu Dầu để dự phòng cho nguồn nước bị ô nhiễm khi dự án hồ Suối Tre được cải tạo mở rộng;
- Trong quý III/2013, hoàn thành dự án đầu tư xây dựng Phân xưởng sản xuất nước đóng chai tinh khiết công suất 3.000 lít/giờ và đưa vào hoạt động từ đầu quý IV/2013 để kịp thời giới thiệu sản phẩm và đi vào kinh doanh chính thức trong năm 2014. Theo đó, sản phẩm nước đóng chai tinh khiết của Công ty sẽ kịp thời cung cấp cho Hội thao Ngành Cấp thoát nước Miền Nam tại Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Đồng Nai vào đầu tháng 3/2014.
- Không ngừng mở rộng lĩnh vực xây lắp ngành cấp nước và thoát nước.
- Tập trung công tác đầu tư và nâng cao hiệu quả của Ban Chống thất thoát để tỷ lệ thất thoát nước có xu hướng giảm dần và đạt dưới mức 18% vào năm 2015.
- Cân đối nguồn vốn để ưu tiên cải tạo hệ thống cấp nước cũ hay rò rỉ.
- Không ngừng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin cho toàn thể CBCNV.



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

38 Hội đồng Quản trị

39 Ban Kiểm soát

**42 Các giao dịch, thù lao và khoản lợi
ích của HĐQT, BGD và BKS**



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty hoạt động theo đúng Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật. Trong năm 2012, HĐQT Công ty hoàn thành các chức trách của mình, tạo điều kiện thuận lợi giúp Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Hoạt động của thành viên độc lập không điều hành: Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, và theo sự phân công trong Hội đồng Quản trị.

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị họp và ban hành các nghị quyết như sau:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
01	02/NQ/HĐQT-LKW	23/03/2012	Đánh giá tình hình thực hiện SXKD năm 2011 và phương hướng nhiệm vụ năm 2012.
02	03/NQ/HĐQT-LKW	09/04/2012	Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2012 và hạ tỷ lệ thất thoát nước dưới 23%.
03	06/NQ/HĐQT-LKW	25/09/2012	- Đánh giá tình hình thực hiện SXKD, đầu tư xây dựng cơ bản 09 tháng đầu năm 2012 và phương hướng nhiệm vụ 03 tháng còn lại năm 2012. - Xây dựng phương án thực hiện chống thất thoát nước và xây dựng kế hoạch SXKD 2013.
04	07/NQ/HĐQT-LKW	21/12/2012	- Đánh giá tình hình thực hiện SXKD, đầu tư xây dựng cơ bản năm 2012 và Kế hoạch năm 2013. - Thông qua Dự án đầu tư sản xuất nước đóng chai tinh khiết. - Triển khai công tác sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty lần 2.



BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp Nước Long Khánh trong năm 2012 như sau:

- Giám sát, đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc theo các quy định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm và hàng quý trước khi trình HĐQT xem xét;
- Ban kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho các cổ đông để kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT và Ban giám đốc về tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Giám sát tính hiệu quả sử dụng vốn Công ty trong đầu tư;
- Các nhiệm vụ khác theo Luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã tổ chức 02 phiên họp, nội dung các phiên họp tập trung vào những vấn đề sau :

- Thảo luận về các nội dung liên quan đến việc kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý của Ban điều hành, công tác tài chính - kế toán 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty cổ phần cấp nước Long Khánh.
- Nhận xét, kiến nghị cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác quản lý điều hành Công ty 6 tháng đầu năm 2012.
- Phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý của Hội đồng quản trị, điều hành hoạt động của Ban Giám đốc, công tác tài chính kế toán năm 2012, trên cơ sở đó nhận xét và đề xuất các kiến nghị cho Công ty trong công tác quản lý điều hành năm 2012.
- Trong năm 2012, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo đúng Pháp luật, các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo Điều lệ Công ty.



Đánh giá của Ban Kiểm soát với thành viên HĐQT

Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý công ty. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo các phòng ban thuộc Công ty thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT Công ty.

HĐQT trong năm đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, bất thường để trao đổi phân tích, đi đến thống nhất quyết định trong các thành viên. HĐQT Công ty đã ban hành các Nghị quyết chỉ đạo các phòng ban Công ty về việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty. Các Nghị quyết chỉ đạo, lãnh đạo Ban điều hành thực hiện đúng theo luật và quy định của Nhà nước, chỉ đạo trong sản xuất kinh doanh, đầu tư đúng hướng nhằm thực hiện mọi chủ trương nghị quyết của đại hội cổ đông, đảm bảo tuân thủ điều lệ của công ty và chấp hành nghiêm chỉnh luật Doanh nghiệp.

HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành và trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động SXKD của Công ty trước hoàn cảnh suy thoái kinh tế trong nước và toàn cầu, trên cơ sở đó thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2012 được Đại hội đồng cổ đông giao phó.





Đánh giá của Ban Kiểm soát với Ban Giám đốc

Ban giám đốc Công ty luôn chấp hành chủ trương của Đảng và pháp luật, thực hiện đúng các quy chế, quy định của Công ty. Năm 2012, Ban Giám đốc chỉ đạo và tập trung mọi nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Giám đốc Công ty đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành các hoạt động SXKD của Công ty nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

Ban giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty, quan tâm đến công tác đổi mới tái cấu trúc doanh nghiệp. Trong công tác tài chính kế toán, hệ thống sổ sách biểu mẫu rõ ràng, hạch toán đúng chế độ quy định. Công tác kiểm kê định kỳ đầy đủ, hàng hóa và tài sản không thiếu hụt, mất mát, số lượng thực tế đúng với sổ sách báo cáo.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD VÀ BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao
I	Hội đồng quản trị		495.876.500	6.950.000	138.000.000
1	Nguyễn Văn Bính	Chủ tịch	6.000.000		36.000.000
2	Lê Văn Thới	Thành viên kiêm Giám đốc	277.170.000	3.550.000	30.000.000
3	Lê Văn Anh	Thành viên kiêm KTT	204.706.500	3.400.000	24.000.000
4	Nguyễn Minh Huy	Thành viên	4.000.000		24.000.000
5	Đào Quý Tính	Thành viên	4.000.000		24.000.000
II	Ban kiểm soát		69.618.000	3.400.000	60.000.000
1	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Trưởng ban	4.000.000		24.000.000
2	Trần Văn Khoát	Thành viên	3.000.000		18.000.000
3	Nguyễn Thị Hồng Châu	Thành viên	62.618.000	3.400.000	18.000.000
III	Ban điều hành		215.067.000	3.550.000	-
1	Nguyễn Văn Hoà	Phó Giám đốc	215.067.000	3.550.000	

Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

45 Ý kiến kiểm toán

46 Báo cáo tài chính được kiểm toán



Số: 045/2013 /BCKT-AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần Cấp nước Long Khánh gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 21 tháng 01 năm 2013, từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 15 tháng 02 năm 2012 có dạng ý kiến chấp nhận toàn bộ

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi..

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán
và Tư vấn Thuế AAT tại Thành phố Hồ Chí Minh

Đã ký

Trương Quang Trung – Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1752/KTV

Đã ký

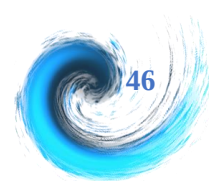
Phạm Thị Anh Khoa – Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1521/KTV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

LKW - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

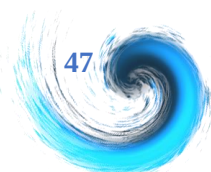
		Đơn vị tính: Đồng		
TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) =110+120+130+140+150)	100		17.865.230.247	17.869.037.875
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.01	3.444.046.038	974.285.852
1. Tiền	111		2.544.046.038	974.285.852
2. Các khoản tương đương tiền	112		900.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.02	3.000.000.000	5.071.555.556
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.000.000.000	5.071.555.556
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		7.837.919.366	9.932.938.839
1. Phải thu khách hàng	131	VI.03	7.841.682.805	7.428.003.977
2. Trả trước cho người bán	132	VI.04	25.111.700	2.530.302.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.05	2.085.861	2.085.862
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(30.961.000)	(27.453.000)
IV. Hàng tồn kho	140		2.836.847.534	1.310.619.028
1. Hàng tồn kho	141	VI.06	2.836.847.534	1.310.619.028
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	VI.07	746.417.309	579.638.600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu của nhà nước	154		63.902.959	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		682.514.350	579.638.600
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		20.205.272.398	16.212.492.111
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.115.622.795	15.931.780.901



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐKWL - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.08	20.115.622.795	15.749.217.325
- Nguyên giá	222		32.141.512.027	26.540.150.477
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.025.889.232)	(10.790.933.152)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	182.563.576
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		89.649.603	280.711.210
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.9	89.649.603	280.711.210
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CÔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		38.070.502.645	34.081.529.986

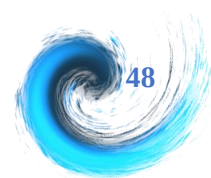


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

LKW - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

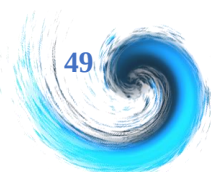
Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		6.787.525.606	4.758.084.935
I. Nợ ngắn hạn	310		6.787.525.606	4.629.425.955
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	VI.10	3.403.432.266	2.537.551.087
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.11	1.187.500.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.12	784.353.635	782.379.983
5. Phải trả người lao động	315		1.307.176.855	1.171.227.431
6. Chi phí phải trả	316	VI.13	-	17.313.705
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.14	35.013.840	28.838.491
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320		70.049.010	92.115.258
II. Nợ dài hạn	330		-	128.658.980
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			128.658.980
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400	VI.15	31.282.977.039	29.323.445.051
I. Vốn chủ sở hữu	410		31.240.632.890	29.317.498.587
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		85.464.672	85.464.672
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		908.053.157	733.241.269



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

8. Quỹ dự phòng tài chính	418	509.297.006	351.955.130
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.737.818.055	3.146.837.516
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	42.344.149	5.946.464
1. Nguồn kinh phí	432	42.344.149	5.946.464
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	430	38.070.502.645	34.081.529.986



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

LKW - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

Đơn vị tính: Đồng

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài	24	-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (Q4/12- 103 HĐ tiền nước năm 2008,2009)		17.227.629	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- Ngoại tệ các loại		-	-
6. Hạn mức kinh phí còn lại		-	-

Long Khánh, ngày 13 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Đã ký

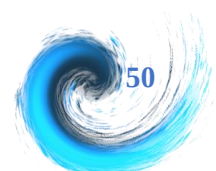
Đã ký

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh Hương

Lê Văn Anh

Lê Văn Thới



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐKVN - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
(1)	(2)		(3)	(4)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	23.827.337.617	20.757.352.004
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		899.935	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		23.826.437.682	20.757.352.004
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	14.344.002.673	13.162.563.055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		9.482.435.009	7.594.788.949
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	512.036.667	719.769.637
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	6.416.663	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		6.416.663	-
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	1.239.652.337	1.268.644.440
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	3.522.039.051	2.847.179.235
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30	VII.7	5.226.363.625	4.198.734.911
11. Thu nhập khác	31		720.583.312	1.448.914
12. Chi phí khác	32		204.137.170	468
13. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		516.446.142	1.448.446
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế :(50 = 30 + 40)	50		5.742.809.767	4.200.183.357
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.7	1.004.991.712	1.050.045.841
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : (60 = 50 - 51)	60	VII.9	4.737.818.055	3.150.137.516
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.895	1.260

Lập, ngày 13 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh Hương

Lê Văn Anh

Lê văn Thới

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	31/12/2012	31/12/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng , cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	28.130.846.215	22.858.155.753
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(16.984.236.308)	(13.565.171.390)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.733.307.790)	(3.910.967.339)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.416.663)	-
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(874.650.000)	(1.354.180.862)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.359.444.029	821.668.649
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.998.588.729)	(3.170.881.731)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.893.090.754	1.678.623.080
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm , xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(219.342.568)	(268.461.454)
2. Tiền thu từ thanh lý , nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay , mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(900.000.000)	(2.071.555.556)
4. Tiền thu hồi cho vay , bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.224.107.726	2.259.840.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay , cổ tức và lợi nhuận được chia	27	61.904.274	410.576.527
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.166.669.432	330.399.517
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu , nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu , mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn , dài hạn nhận được	33	1.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.000.000.000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức , lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.490.000.000)	(2.199.498.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.490.000.000)	(2.199.498.135)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	1.569.760.186	(190.475.538)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	974.285.852	1.164.761.390
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	2.544.046.038	974.285.852

Lập biểu ngày 13 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Đã ký

Kế Toán Trưởng

(ký, họ tên)

Đã ký

Giám Đốc

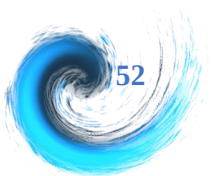
(ký, họ tên, đóng dấu)

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh Hương

Lê Văn Anh

Lê Văn Thới



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác, xây dựng, giám sát.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; Phân phối nước sạch; Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm; Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước; Theo dõi, giám sát thi công công trình cấp thoát nước; Sản xuất sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán sổ chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.
- 2. Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và khoản cho vay ngắn hạn.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10

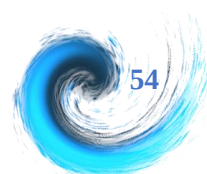
7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí sửa chữa, cải tạo các giếng nước và sửa chữa hàng rào, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 24 tháng.

8. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân. Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi cung cấp nước, doanh thu được ghi nhận theo số đồng hồ nước do các đội báo cáo về Công ty và phát hành hóa đơn tiền nước.

Doanh thu dịch vụ lắp đặt đồng hồ nước được ghi nhận khi đã hoàn thành việc lắp đặt, khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu xây lắp được ghi nhận khi có quyết toán công trình và phát hành hóa đơn giá trị gia tăng.

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong năm.

12. Tài sản tài chính***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

13. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

14. Bù trừ các công cụ tài chính

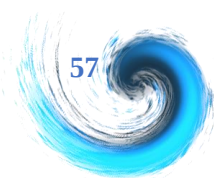
Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.3.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền		
Tiền mặt	29.921.473	79.414.418
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.514.124.565	894.871.434
Các khoản tương đương tiền (**)	900.000.000	-
Cộng	3.444.046.038	974.285.852
(*) Chi tiết		
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Long Khánh	2.015.946.321	
Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Long Khánh	65.294.322	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội Chi nhánh Đồng Nai	-	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	432.883.922	
Cộng	2.514.124.565	
(**) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Long Khánh		

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

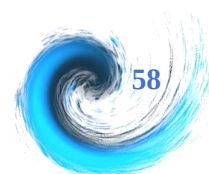
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho vay Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	3.000.000.000	3.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	-	2.071.555.556
Cộng	3.000.000.000	5.071.555.556

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần du lịch Giang Điền	3.279.834.056	1.706.674.000
Công ty TNHH MTV cấp nước Đồng Nai	2.426.148.111	3.154.061.212
Công ty Sonadezi An Bình	340.228.258	407.246.258
Công ty TNHH Hồng Hà	270.071.000	540.071.000
Khách hàng khác	1.525.401.380	1.619.951.507
Cộng	7.841.682.805	7.428.003.977

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Đạt Thành Nguyên	-	1.846.800.000
Đoàn QH&ĐTTN nước 707 (NUOC707)	-	524.000.000
Nhà cung cấp khác	25.111.700	159.502.000
Cộng	25.111.700	2.530.302.000



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. Các khoản phải thu khác

Là khoản phải thu bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	27.453.000	-
Trích lập dự phòng bổ sung	3.508.000	27.453.000
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	30.961.000	27.453.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	594.284.089	1.013.467.566
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	2.242.563.445	297.151.462
Cộng	2.836.847.534	1.310.619.028
(*) Chi tiết		
Công trình cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh, Long Thành, Dầu Giây	1.793.929.964	-
Công trình tái định cư phát sinh	263.258.161	8.536.120
Công trình Xóm Hố	155.094.286	-
Các công trình khác	30.281.034	288.615.342
Cộng	2.242.563.445	297.151.462

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là khoản thuế giá trị gia tăng nộp thừa. Xem tại thuyết minh V.14 trang 20.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng (*)	540.014.350	487.886.600
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (**)	142.500.000	91.752.000
Cộng	682.514.350	579.638.600
(*) Chi tiết		
Nguyễn Văn Vĩnh	179.802.000	
Nguyễn Văn Hoà	119.876.500	
Phan Thanh Hải	111.163.100	
Thái Văn Sơn	68.410.150	
Huỳnh Trường An	20.034.000	
Đối tượng khác	40.728.600	
Cộng	540.014.350	

(**) Là khoản ký quỹ 100% số tiền bảo lãnh của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thị xã Long Khánh cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh, Long Thành, Dầu Giây đoạn qua huyện Long Thành theo hợp đồng bảo lãnh số 5106VPB/21000056 ngày 04/10/2012.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

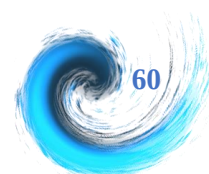
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	4.353.767.552	2.376.566.704	19.388.034.154	255.782.067	166.000.000	26.540.150.477
Tăng trong năm	4.764.730.739	177.174.568	659.456.243	-	-	5.601.361.550
- Mua sắm mới	-	177.174.568	534.377.273	-	-	711.551.841
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	4.458.597.577		125.078.970			4.583.676.547
- Tăng khác	306.133.162	-	-	-	-	306.133.162
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	9.118.498.291	2.553.741.272	20.047.490.397	255.782.067	166.000.000	32.141.512.027
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	259.885.227	774.713.503	316.158.444	13.416.000	-	1.364.173.174
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.401.134.812	1.272.722.618	6.970.388.110	134.237.612	12.450.000	10.790.933.152
Khấu hao trong năm	293.567.111	183.228.494	711.164.717	30.295.758	16.600.000	1.234.956.080
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.694.701.923	1.455.951.112	7.681.652.827	164.533.370	29.050.000	12.025.889.232
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.952.632.740	1.103.844.086	12.417.646.044	121.544.455	153.550.000	15.749.217.325
Số cuối năm	6.423.796.368	1.097.790.160	12.35.837.570	91.248.697	136.950.000	20.115.622.795

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển chi phí trong năm	Số cuối năm
Thời rửa giếng 3,5,12	102.494.310	-	(45.553.040)	56.941.270
Thời rửa giếng 11	30.708.333	-	(16.750.000)	13.958.333
In 500.000 VNĐ tiền nước	43.750.000	-	(25.000.000)	18.750.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	103.758.567	-	(103.758.567)	-
Cộng	280.711.210	-	(191.061.607)	89.649.603

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	1.652.663.692	267.047.522
Công ty TNHH Ngọc Thạch	720.000.000	-
Công ty TNHH TMDV Đức Anh	471.108.000	-
Công ty TNHH MTV Phương Phương Thịnh	295.404.400	-
Công ty TNHH MTV Đạt Thành Nguyên	212.072.573	-
Khách hàng khác	52.183.601	2.270.503.565
Cộng	3.403.432.266	2.537.551.087



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

13. Người mua trả tiền trước

Là khoản ứng trước tiền xây lắp của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường cao tốc TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	178.752.856	59.629.317	(302.285.132)	(63.902.959)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	375.045.841	1.004.991.712	(874.650.000)	505.387.553
Thuế thu nhập cá nhân	4.716.950	96.096.857	(88.581.190)	12.232.617
Thuế tài nguyên	68.725.298	421.316.242	(420.848.520)	69.193.020
Các loại thuế khác	-	21.925.674	(21.925.674)	-
Phí môi trường	155.139.038	1.207.242.105	(1.164.840.698)	197.540.445
Cộng	782.379.983	2.811.201.907	(2.873.131.214)	720.450.676

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.742.809.767	4.200.183.357
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
Thu nhập tính thuế	5.742.809.767	4.200.183.357
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.435.702.444	1.050.045.841
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012	430.710.732	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.004.991.712	1.050.045.841

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và cá qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	18.228.745	13.879.819
Bảo hiểm xã hội	2.877.566	2.644.525
Bảo hiểm y tế	1.926.529	1.926.342
Phải trả khác	11.981.000	10.387.805
Cộng	35.013.840	28.838.491

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	12.920.755	188.810.252	(150.600.000)	51.131.007
Quỹ phúc lợi	79.194.503	125.873.500	(186.150.000)	18.918.003
Cộng	92.115.258	314.683.752	(336.750.000)	70.049.010

17. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	25.000.000.000	85.464.672	733.241.269	351.955.130	3.146.837.516	29.317.498.587
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.737.818.055	4.737.818.055
Phân phối lợi nhuận	-	-	174.811.888	157.341.876	(332.153.764)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(314.683.752)	(314.683.752)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Số dư cuối năm	25.000.000.000	85.464.672	908.053.157	509.297.006	4.737.818.055	31.240.632.890

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	12.750.000.000	12.750.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	12.250.000.000	12.250.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	85.464.672	85.464.672
Cộng	25.085.464.672	25.085.464.672

Cổ phiếu

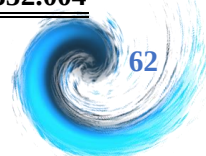
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	25.059.957.596	20.757.352.004
- Doanh thu cấp nước	14.043.874.700	11.835.913.500
- Doanh thu lắp đặt	9.783.462.917	8.921.438.504
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(899.935)	-
- Hàng bán bị trả lại	(899.935)	-
Doanh thu thuần	23.826.437.682	20.757.352.004



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp nước (*)	5.222.045.936	4.734.877.238
Giá vốn xây lắp	9.121.956.737	8.427.685.817
Cộng	14.344.002.673	13.162.563.055
(*) Giá vốn cung cấp nước như sau:		
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	6.656.958	
Chi nhân công trực tiếp	1.781.600.050	
Chi phí sản xuất chung	3.433.788.928	
Tổng chi phí sản xuất	5.222.045.936	
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	
Giá vốn cung cấp nước	5.222.045.936	
(**) Giá vốn xây lắp như sau:		
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	7.575.796.738	
Chi nhân công trực tiếp	1.245.539.206	
Chi phí sản xuất chung	2.440.190.243	
Tổng chi phí sản xuất	11.261.526.187	
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(1.945.411.983)	
Kết chuyển khác	(194.157.467)	
Giá vốn xây lắp	9.121.956.737	

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	54.404.274	39.420.971
Lãi đầu tư ngắn hạn	457.632.393	680.348.666
Cộng	512.036.667	719.769.637

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	662.920.949	553.536.917
Chi phí vật liệu bao bì	478.371.564	581.761.431
Chi phí đồ dùng	43.054.000	79.881.500
Chi phí khấu hao	18.058.708	18.058.712
Chi phí khác	37.247.116	35.405.880
Cộng	1.239.652.337	1.268.644.440

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.970.624.932	1.466.422.718
Chi phí đồ dùng văn phòng	133.990.163	139.211.000
Chi phí khấu hao	123.902.979	71.713.068
Thuế, phí và lệ phí	443.241.916	358.077.405
Chi phí dự phòng	20.735.629	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	172.456.175	166.920.570
Chi phí bằng tiền khác	657.087.257	644.834.474

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Năm nay	Năm trước
Cộng	3.522.039.051	2.847.179.235
6. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Bù giá công trình Hiệp Hòa	389.130.000	-
Công trình Xuân Tân	202.299.582	-
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	128.658.980	-
Thu nhập khác	494.750	1.448.914
Cộng	720.583.312	1.448.914
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.737.818.055	3.150.137.516
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.737.818.055	3.150.137.516
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.895	1.260
8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.755.771.870	6.279.208.330
Chi phí nhân công	3.027.139.255	2.564.696.790
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.092.994.393	1.046.837.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	457.989.121	2.818.418.129
Chi phí khác	3.010.108.034	453.402.716
Cộng	14.344.002.673	13.162.563.055

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính

2. Thông tin so sánh

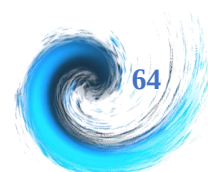
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc phát sinh trong năm:



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	992.461.500	847.065.200

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai như sau:

	Năm nay
Lãi cho vay	429.000.000
Thi tay nghề cho CNV	8.000.000
Cung cấp dịch vụ	5.395.320.776
Mua vật tư	1.252.378.336
Chia cổ tức	1.275.000.000

Tại ngày kết thúc năm kế toán, công nợ với Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền cho vay	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu lãi cho vay	61.500.000	95.666.666
Phải thu cung cấp dịch vụ	2.364.648.111	3.058.394.546
Cộng nợ phải thu	5.426.148.111	6.154.061.212

Phải trả vật tư, thi tay nghề	1.652.663.692	267.047.552
Cộng nợ phải trả	1.652.663.692	267.047.552

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.444.046.038	974.285.852	3.444.046.038	974.285.852
Phải thu khách hàng	7.810.721.805	7.400.550.977	7.810.721.805	7.400.550.977
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	5.071.555.556	3.000.000.000	5.071.555.556
Các khoản phải thu khác	684.600.211	581.724.462	684.600.211	581.724.462
Cộng	14.939.368.054	14.028.116.847	14.939.368.054	14.028.116.847
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	3.403.432.266	2.537.551.087	3.403.432.266	2.537.551.087
Phải trả người lao động	1.307.176.855	1.171.227.431	1.307.176.855	1.171.227.431
Chi phí phải trả	-	17.313.705	-	17.313.705
Các khoản phải trả khác	35.013.840	28.838.491	35.013.840	28.838.491
Cộng	4.745.622.961	3.754.930.714	4.745.622.961	3.754.930.714

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

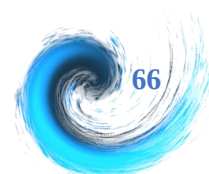
Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	3.403.432.266	-	3.403.432.266
Phải trả người lao động	1.307.176.855	-	1.307.176.855
Các khoản phải trả khác	35.013.840	-	35.013.840
Cộng	4.745.622.961	-	4.745.622.961
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	2.537.551.087	-	2.537.551.087
Phải trả người lao động	1.171.227.431	-	1.171.227.431
Chi phí phải trả	17.313.705	-	17.313.705
Các khoản phải trả khác	28.838.491	-	28.838.491
Cộng	3.754.930.714	-	3.754.930.714



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8.- Lợi nhuận năm 2012:

Nội dung	Trước thuế	Sau thuế
* Lãi sản xuất nước 31/12/2012	4.060.137.376	3.349.613.335
* Lãi công trình xây lắp 31/12/2012	660.606.245	545.000.150
* Lãi thu nhập khác	516.446.142	426.068.068
* Hoạt động tài chính 31/12/2012	505.620.004	417.136.503
Cộng	5.742.809.767	4.737.818.056
* Sản xuất nước năm 2012	2.865.361	m3
* Ghi thu nước năm 2012	2.209.437	m3
* Tỷ lệ thất thoát năm 2012	22,89	%
Khách hàng sử dụng nước 31/12/2011	10.919	Khách hàng
Khách hàng sử dụng nước 31/12/2012	11.437	Khách hàng

Đồng Nai, ngày 13 tháng 03 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh Hương

Lê Văn Anh

Lê Văn Thới

Long Khánh, ngày tháng năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN THỜI**